



**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
2019**

CÔNG TY CỔ PHẦN SIVICO
Địa chỉ: Lô D1 - Khu CN Trảng Duệ - Xã Hồng Phong - Huyện An
Dương - TP. Hải Phòng - Việt Nam
Điện thoại: +84 225 3597778 Fax: +84 225 3597779
Website: <https://www.sivico.com.vn/>



CÔNG TY CỔ PHẦN SIVICO

Mục Lục

Phần mở đầu	6
Thông điệp của Chủ tịch HĐQT	8
Một số chỉ tiêu chính	9
Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi	15
Thông tin chung	12
Thông tin khái quát	14
Quá trình hình thành và phát triển	16
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	
Ngành nghề kinh doanh chính	18
Địa bàn kinh doanh	19
Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	20
Giới thiệu Ban Lãnh Đạo	28
Vị thế	32
Định hướng phát triển	34
Rủi ro	36
Tình hình hoạt động trong năm	38
Tình hình hoạt động SXKD	40
Tổ chức và nhân sự	44
Tình hình đầu tư và thực hiện dự án	48
Tình hình tài chính	50
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu	54
Báo cáo của Ban Giám Đốc	56
Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh	58
Tình hình tài chính	60
Những cải tiến trong cơ cấu lao động, chính sách, quản lý	63
Phương hướng phát triển	63
Báo cáo của HĐQT	64
Đánh giá của HĐQT về mọi mặt hoạt động của công ty	66
Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám Đốc	67
Kế hoạch định hướng của HĐQT	68
Quản trị công ty	70
Hội đồng quản trị	72
Ban kiểm soát	74
Giáo dục và thù lao	75
Báo cáo tài chính	76

PHẦN MỞ ĐẦU



THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT



Kính thưa Quý cổ đông,
Khách hàng, Đối tác và
toàn thể cán bộ công
nhân viên !

TỐC ĐỘ TĂNG
TRƯỞNG GDP
7,02%

Vượt mục tiêu
tăng trưởng năm
2019

Năm 2019, Công ty Cổ phần SIVICO đã chứng kiến sự suy yếu của tăng trưởng kinh tế thể hiện rõ qua sự sụt giảm của hoạt động sản xuất và thương mại toàn cầu. Thuế quan gia tăng và tình trạng bất bình kéo dài do chính sách thương mại gây ra đã làm suy yếu hoạt động đầu tư và nhu cầu hàng hóa lâu bền. Tuy nhiên, GDP toàn cầu trong nửa đầu năm 2019 vẫn tăng do xu hướng bất ngờ tăng giá ở một số nền kinh tế tiên tiến và hoạt động mạnh mẽ trong khu vực ASEAN.

Nền kinh tế Việt Nam năm 2019 tiếp tục chuyển biến tích cực, kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát ở mức thấp. Năm 2019 là năm thứ hai liên tiếp Việt Nam đạt và vượt toàn bộ các chỉ tiêu chủ yếu Quốc hội giao, tạo cơ sở vững chắc, tạo đà và động lực mới, khí thế mới cho việc hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra cho năm 2020 và giai đoạn 5 năm 2016-2020. Tốc độ tăng trưởng GDP 7,02% đã vượt mục tiêu tăng trưởng năm 2019. Động lực chính của tăng trưởng kinh tế năm nay tiếp tục là ngành công nghiệp chế biến, chế tạo và các ngành dịch vụ thị trường.

Trong những năm gần đây hệ thống giao thông của Việt Nam ngày càng phát triển, các dự án xây dựng cầu đường, những con đường chất lượng tốt và các xa lộ xuyên quốc gia đang được xây dựng mở rộng với sự trợ giúp của công nghệ mới. Chính vì vậy, sơn vạch kẻ đường đang nhận được sự quan tâm của nhiều doanh nghiệp sản xuất. Nhưng cùng với sự gia nhập đồng đảo và số lượng lớn các doanh nghiệp lớn bé vào ngành sơn, các sản phẩm làm nhái hoặc kém chất lượng xuất hiện tràn lan khiến cho thị trường cũng trở nên hỗn tạp. Với những tiềm năng cùng rào cản như vậy, ngành sơn là ngành đang trên đà phát triển của Việt Nam mà Công ty cần đánh mạnh và khai thác triệt để nhưng cũng cần có cách tiếp cận đúng đắn để mang đến sản phẩm sơn tốt nhất cho người tiêu dùng. Công ty Cổ phần SIVICO, một doanh nghiệp còn rất trẻ, đã phải vượt qua những thử thách của cơ chế thị trường có sự cạnh tranh gay gắt để không ngừng lớn mạnh đóng góp vào sự nghiệp “công nghiệp hoá, hiện đại hoá, tăng cường công tác

đảm an toàn giao thông” của đất nước, tự khẳng định vị trí của công ty trên thị trường cung cấp các sản phẩm Sơn giao thông nhiệt dẻo phản quang và Bao bì các loại tại Việt Nam. Khách hàng chủ yếu của Công ty tại thị trường trong nước là các Công ty quản lý và sửa chữa đường đô thị, đường quốc lộ, các nhà thầu xây dựng giao thông, các công ty sản xuất bột giặt, chất tẩy rửa, mỹ phẩm, thực phẩm,... Không những cung cấp sản phẩm cho thị trường trong nước, Công ty đã xuất khẩu sản phẩm sơn sang Myanmar, Lào, Campuchia và tới đây sẽ tìm hiểu thị trường thêm một số quốc gia khác.

Với thế mạnh sẵn có về máy móc, thiết bị hiện đại công nghệ tiên tiến được chuyển giao từ tập đoàn DPI - Malaysia, cộng với tính cần cù, sức sáng tạo và kinh nghiệm của CBCNV công ty đã đem lại sự vượt trội về lợi thế so với các nhà sản xuất cạnh tranh, Công ty trong năm 2019 đã thu được những kết quả rất đáng khích lệ: Công ty đã gần hoàn thành kế hoạch năm 2019 do Đại hội cổ đông giao, tổng doanh thu Công ty đạt 195.523 triệu đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 26.396 triệu đồng, nộp Ngân sách nhà nước 26.396 triệu đồng.

Kết quả và những nền tảng đạt được trong năm sẽ là bệ phóng vững chắc cho Công ty. Công ty sẽ tập trung mọi nguồn lực cho mảng kinh doanh cốt lõi- sản xuất sơn, khẳng định vị thế của mình, không ngừng đáp ứng ngày một tốt hơn nhu cầu của khách hàng.

Chúng tôi hoàn toàn tin tưởng rằng, với sự đồng lòng của toàn bộ đội ngũ nhân viên, sự quyết tâm của Ban Lãnh đạo và sự tin tưởng quý vị, Công ty sẽ vượt qua được bất kì khó khăn, thách thức nào, để ngày càng phát triển mạnh mẽ và bền vững.

Xin trân trọng cảm ơn Quý cổ đông đã luôn ủng hộ và đồng hành!

Thay mặt HĐQT
Chủ tịch HĐQT

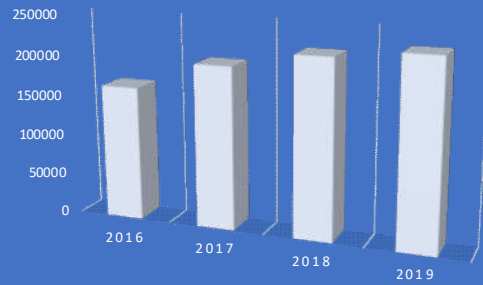
Nguyễn Văn Viện



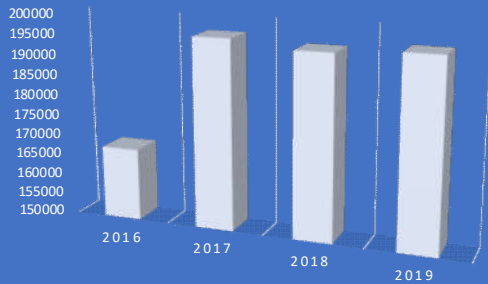
MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHÍNH



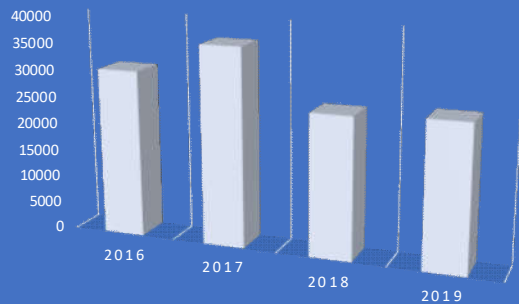
TỔNG TÀI SẢN (TRIỆU ĐỒNG)



DOANH THU THUẦN (TRIỆU ĐỒNG)



LỢI NHUẬN SAU THUẾ (TRIỆU ĐỒNG)



Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2018	Năm 2019	% Tăng/Giảm
Tổng giá trị tài sản	Triệu đồng	218.140	227.599	4,34%
Doanh thu thuần	Triệu đồng	194.421	195.523	0,57%
Giá Vốn Hàng Bán	Triệu đồng	149.617	143.197	-4,29%
Lợi nhuận gộp	Triệu đồng	44.804	52.326	16,79%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	27.285	30.264	10,92%
Lợi nhuận khác	Triệu đồng	37	-2	-104,15%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	27.322	30.263	10,76%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	25.752	26.409	2,55%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND	8.549	8.767	3%



THÔNG TIN CHUNG





THÔNG TIN CHUNG

Tên chính thức	CÔNG TY CỔ PHẦN SIVICO
Tên viết tắt	SJS.,CO
Vốn điều lệ	30.123.740.000 đồng
Trụ sở chính	Lô D1 khu công nghiệp Trảng Duệ, xã Hồng Phong, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Điện thoại	+842253597778
Fax	+842253597779
Email	sivicohp@gmail.com
Website	www.sivico.com.vn
Mã số doanh nghiệp	0200456505
Mã cổ phiếu	SIV
Mệnh giá cổ phần	10.000 đồng

Logo



Tầm nhìn:

Xây dựng SIVICO trở thành nhà sản xuất sơn giao thông nhiệt dẻo phản quang hàng đầu khu vực Đông Nam Á đồng thời là nhà cung cấp đáng tin cậy trong lĩnh vực bao bì ghép màng mỏng phức hợp trong và ngoài nước bằng chiến lược phát triển bền vững nhằm gia tăng sự thịnh vượng cho khách hàng, cán bộ công nhân viên.

Sứ mệnh:

Mang đến các sản phẩm cùng với dịch vụ, chất lượng tốt nhất cho khách hàng. Phát triển Công ty theo hướng bền vững, hài hòa với môi trường.

Giá trị cốt lõi:

- Hợp tác
- Cùng phát triển
- Sáng tạo
- Lợi ích chung
- Chuyên nghiệp



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Năm 1999

Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng đã nghiên cứu tình hình thực tế trên thế giới và trong nước. Công ty quyết định triển khai dự án “Sản xuất thử nghiệm sơn giao thông nhiệt dẻo phản quang” nhằm đón trước, phục vụ cho các công trình trọng điểm quốc gia

Ngày 28 tháng 03 năm 2002

Sau thành công của dự án, ban lãnh đạo Công ty Công ty cổ phần Sơn Hải Phòng nhận thấy cần phải phát triển sản phẩm này với quy mô lớn hơn nữa để nhanh chóng chiếm lĩnh thị trường loại sản phẩm còn rất mới mẻ tại Việt Nam. Công ty đã quyết định tách riêng dòng sản phẩm này, kêu gọi vốn đầu tư từ các cổ đông hợp tác thành lập một doanh nghiệp chuyên sản xuất Sơn giao thông nhiệt dẻo phản quang. Vì vậy, Công ty Cổ phần SIVICO chính thức được thành lập tại Cụm công nghiệp Vĩnh Niệm và là đơn vị sản xuất sơn giao thông nhiệt dẻo phản quang đầu tiên tại Việt Nam. Hợp đồng chuyển giao công nghệ số 005.DPI được Bộ Khoa học công nghệ và môi trường cấp “Giấy chứng nhận đăng ký” số 1171/GCNBKHCNMT ngày 07 tháng 05 năm 2002 chuyển giao công nghệ từ hãng DPI Malaysia với công suất cả hai giai đoạn là 6000 tấn/năm cùng với những sản phẩm có liên quan. Khi đưa vào hoạt động dây chuyền sản xuất nhiệt dẻo phản quang với công suất giai đoạn 1 là 3000 tấn/năm

Tháng 07 năm 2002

Nhận thấy những triển vọng trong ngành công nghiệp bao bì, để đáp ứng nhu cầu và thị hiếu ngày càng cao của người tiêu dùng Công ty Cổ phần SIVICO đã mạnh dạn đầu tư thêm một dây chuyền sản xuất bao bì màng phức hợp cao cấp với công suất 6,5 triệu túi/tháng.

Tháng 11 năm 2003

Khi phân xưởng sản xuất sơn giao thông nhiệt dẻo phản quang đã hoạt động có hiệu quả và tạo được lòng tin đối với khách hàng. Công ty quyết định đầu tư hơn 5 tỷ VNĐ để xây dựng thêm phân xưởng sản xuất bao bì màng mỏng với dây chuyền đồng bộ, hiện đại. Khi phân xưởng đi vào hoạt động đã tạo thêm cho hàng chục lao động có việc làm ổn định.

Năm 2004

Tháng 2 năm 2014 tiếp bước những hiệu quả đạt được trong giai đoạn I, giai đoạn II Công ty tiếp tục đầu tư xây dựng thêm dây chuyền thứ hai nâng công suất lên 6000 tấn/năm đáp ứng nhu cầu của thị trường trong nước và mở rộng thị trường ra nước ngoài, Công ty Cổ phần SIVICO đã xây dựng Nhà máy mới tại KCN Trảng Dũ, xã Hồng Phong, Huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Tháng 9 năm 2004, để hạn chế mua bán thành phẩm bên ngoài Công ty đã đầu tư lắp đặt một dây chuyền máy thổi màng PE công suất 90kg/h. Dây chuyền này vừa đáp ứng nhu cầu sử dụng nội bộ vừa có thể bán sản phẩm cho khách hàng khi họ có nhu cầu. Trong năm 2004, Công ty đã thành công trong việc xây dựng Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2000. Tháng 4 năm 2004 Công ty được tổ chức chứng nhận BVQI (nay là Breaux Veritas) cấp chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn và sau đó được đánh giá cấp lại vào tháng 5 năm 2007.

Tháng 3 năm 2006

Nhằm mục đích mở rộng sản xuất, đa dạng hóa sản phẩm, phục vụ nhu cầu sử dụng của khách hàng đối với bao bì nhựa cứng cho chất tẩy rửa, hóa chất, hóa mỹ phẩm ngày càng tăng. Công ty đã đầu tư dây chuyền thổi chai và ép phun hiện đại của Thái Lan trị giá hơn 2 tỷ VNĐ với sản lượng trên 500.000 chai/tháng.

Tháng 11 năm 2007

Với quyết định đầu tư thêm một dây chuyền in bao bì hiện đại cho ra những sản phẩm được khách hàng đánh giá là có chất lượng tốt đã mở ra nhiều hướng đi mới cho việc cải tiến, nâng cao chất lượng. Dây chuyền này có tốc độ 150m/phút, kiểm soát chồng hình tự động, hoạt động ổn định.

Năm 2009

Công ty Cổ phần SIVICO lựa chọn áp dụng mô hình Quản lý Chất lượng toàn diện (TQM) với mục tiêu

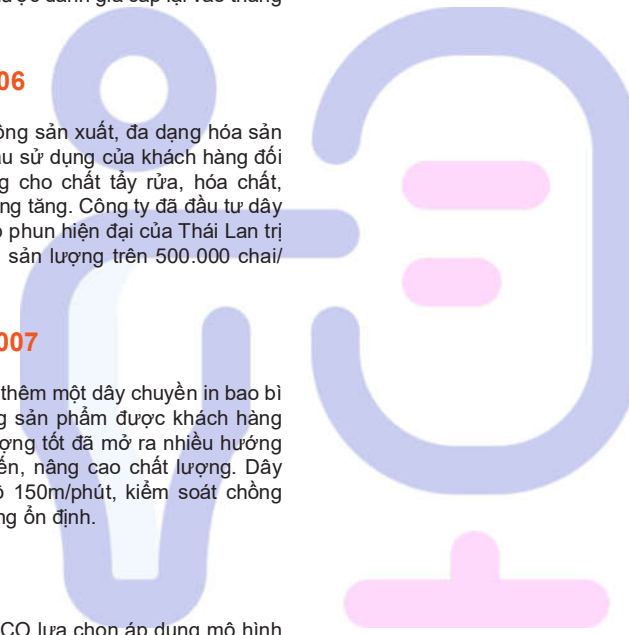
nâng cao trách nhiệm của mỗi người, mỗi bộ phận trong Công ty, đồng thời thúc đẩy hoạt động nỗ lực chung của mọi người. Chính sách chất lượng phải hướng tới khách hàng tức là cải tiến chất lượng sản phẩm và thỏa mãn khách hàng ở mức cho phép, không ngừng cải tiến, hoàn thiện chất lượng. Vì vậy, Công ty Cổ phần SIVICO từng bước tự khẳng định vị trí của Công ty trên thị trường cung cấp các sản phẩm Sơn giao thông nhiệt dẻo phản quang và Bao bì các loại tại Việt Nam

Tháng 4- 2015

Trụ sở chính và nhà máy đi vào hoạt động tại đây đánh dấu bước phát triển mới của Công ty.

Ngày 23/05/2017

Là phiên giao dịch đầu tiên cổ phiếu của Công ty trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là SIV.

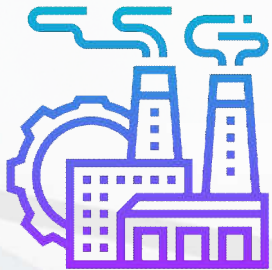




NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

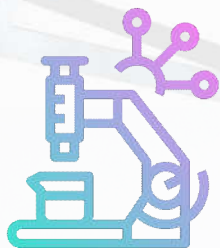
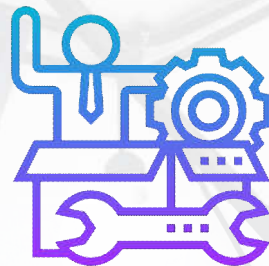
NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH

ĐỊA BÀN KINH DOANH



Sản xuất, kinh doanh sơn giao thông dẻo phân quang

Kinh doanh vật tư, thiết bị, phụ tùng, nguyên liệu hoá chất



Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm, vật tư nguyên liệu, thiết bị ngành bao bì và in ấn



Trụ sở chính của Công ty: Lô D1 khu công nghiệp Trảng Duệ, xã Hồng Phong, huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Địa bàn kinh doanh chủ yếu ở Việt Nam, tại **Ba miền Bắc – Trung – Nam**

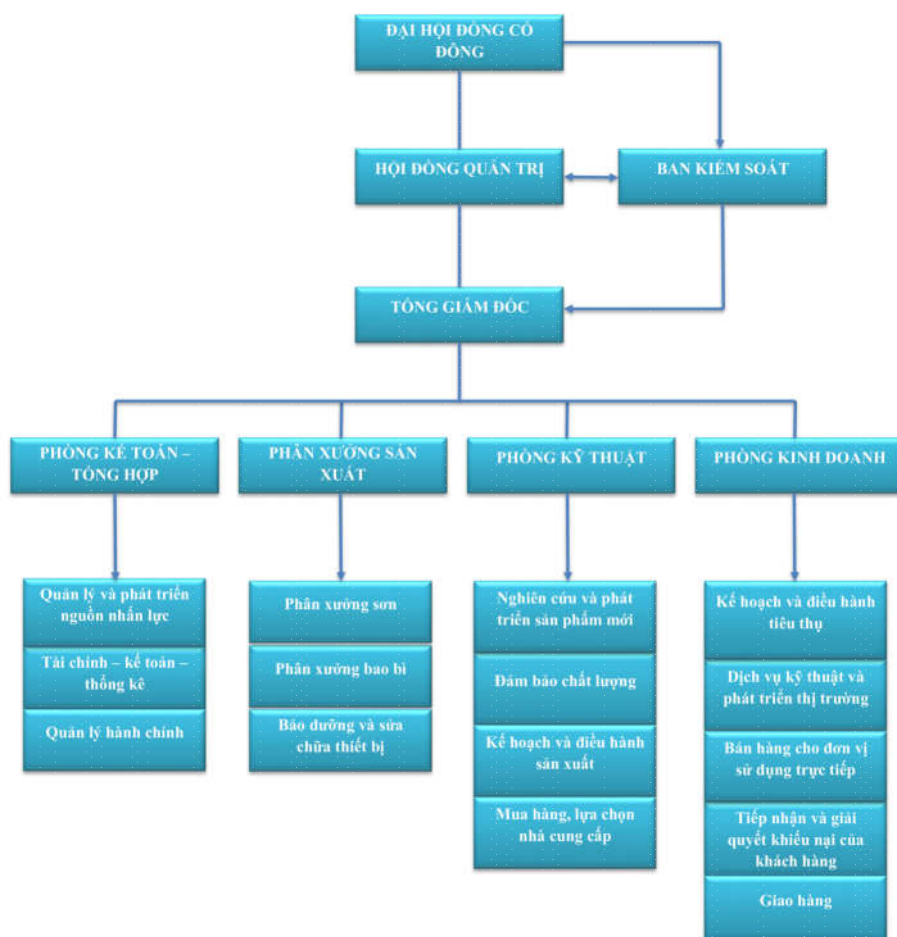




MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

SƠ ĐỒ BỘ MÁY QUẢN LÝ

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ



TÊN BỘ PHẬN	MÔ TẢ CHỨC NĂNG
Đại hội đồng cổ đông	Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
Hội đồng quản trị	Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc miễn nhiệm, có quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát chỉ đạo của Hội đồng quản trị.
Ban Kiểm soát	Ban Kiểm soát là cơ quan giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty. Ban Kiểm soát có 03 thành viên
Tổng Giám đốc	Tổng Giám đốc Công ty do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm hoặc quyết định thuê. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ (TIẾP THEO)

CÁC BỘ PHẬN CHỨC NĂNG

TÊN PHÒNG NGHIỆP VỤ	CHỨC NĂNG	NHIỆM VỤ
Phòng kế toán-tổng hợp	Tham mưu cho Tổng Giám đốc công ty trong công tác tổ chức, quản lý và giám sát hoạt động kinh tế, tài chính, hạch toán kế toán và quản lý cổ phần	<p>Lập kế hoạch tài chính ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đáp ứng yêu cầu SXKD của Công ty</p> <p>Tham mưu xây dựng các quy chế, quy định, chế độ quản lý tài chính của Công ty</p> <p>Huy động và điều hòa sử dụng vốn trong toàn công ty, phục vụ hoạt động SXKD đạt hiệu quả cao</p> <p>Kiểm tra giám sát việc chấp hành các quy chế, quy định của Công ty và pháp luật của Nhà nước về lĩnh vực tài chính kế toán, về lĩnh vực hành chính nhân sự</p> <p>Thực hiện các nhiệm vụ khác do Tổng Giám đốc phân công</p>
Phân xưởng sản xuất	Thực hiện sản xuất theo lệnh sản xuất	<p>Kiểm soát quá trình sản xuất để đảm bảo sản phẩm đạt yêu cầu quy định, đúng yêu cầu công nghệ và tiết kiệm tiêu hao theo định mức</p> <p>Quản lý và sử dụng lao động hợp lý, đảm bảo hoàn thành kế hoạch được giao kể cả đột xuất hoặc dự phòng. Quản lý và sử dụng các tài sản được giao. Bảo đảm an toàn về con người, máy móc thiết bị</p> <p>Phối hợp với các phòng ban để tổ chức thực hiện tốt kế hoạch sản xuất</p> <p>Phát hiện, đề xuất và thực hiện xử lý các sản phẩm không phù hợp khi đã có kết luận, tham gia các hành động khắc phục, phòng ngừa và cải tiến</p> <p>Tự đào tạo hoặc thực hiện các chương trình đào tạo của công ty cho công nhân nâng cao tay nghề</p>

Phòng Kỹ thuật	Tham mưu cho Tổng Giám đốc công ty trong công tác Quản lý kỹ thuật và công tác đảm bảo an toàn trong sản xuất; chế thử các sản phẩm mới	<p>Lập kế hoạch, theo dõi, giám sát, kiểm tra, đánh giá và báo cáo tình hình thực hiện sản xuất theo định kỳ hàng tháng, quý, năm và đột xuất theo yêu cầu của Lãnh đạo Công ty</p> <p>Thực tiếp hoặc phối hợp với các xưởng sản xuất về quản lý kỹ thuật, tiến độ, chất lượng đối với các sản phẩm của công ty</p> <p>Thực hiện các nhiệm vụ khác về lĩnh vực kỹ thuật giám sát theo sự phân cấp, ủy quyền của Tổng Giám đốc.</p>
Phòng kinh doanh	Tham mưu cho Tổng Giám đốc công ty về kế hoạch sản xuất kinh doanh, thị trường	<p>Lập kế hoạch, theo dõi, kiểm tra và báo cáo tình hình thực hiện thị trường, chỉ tiêu sản xuất kinh doanh kỳ hàng tháng, quý, năm và đột xuất</p> <p>Thực hiện các nhiệm vụ khác liên quan đến giao hàng và theo dõi công nợ khách hàng</p>


**MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH
VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ (TIẾP THEO)**
CÔNG TY LIÊN KẾT

STT	TÊN CÔNG TY	ĐỊA CHỈ	LĨNH VỰC SXKD CHÍNH	VỐN ĐIỀU LỆ (ĐỒNG)	TỶ LỆ SỞ HỮU
1	Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng	Số 12 Lạch Tray – P. Lạch Tray – Q. Ngô Quyền – Hải Phòng	Sản xuất và kinh doanh sơn các loại Kinh doanh vật tư, thiết bị, hóa chất thông thường	80.071.770.000	6,7%
2	Công ty Trách nhiệm Hữu hạn VICO	Số 94, đường 208, Xã An Đồng, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh		6,2%





GIỚI THIỆU BAN LÃNH ĐẠO

GIỚI THIỆU HĐQT

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU NĂM GIỮ	TỶ LỆ SỞ HỮU
1	Ông Nguyễn Văn Viên	Chủ tịch HĐQT	201.562	6,69%
2	Ông Nguyễn Mộng Lân	Phó Chủ tịch HĐQT	150.000	4,98%
3	Ông Hòa Quang Thiệp	Thành viên HĐQT	475.312	15,78%
4	Ông Nguyễn Thủy Nguyên	Thành viên HĐQT	198.750	6,60%
5	Ông Trần Bình Ân	Thành viên HĐQT	0	0,00%
6	Bà Phạm Thị Hương Lan	Thành viên HĐQT	79.875	2,65%
7	Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên HĐQT	93.750	3,11%

Ông Nguyễn Văn Viên - Chủ tịch HĐQT

Năm sinh: 5/12/1944
Trình độ văn hóa: 10/10
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện
Quá trình công tác:
 -Từ 8/1964 đến 5/1982: Giáo viên Trường cơ điện Hải Phòng
 -Từ 6/1982 đến 3/1989: Phó phòng Tổ chức lao động Sở Công nghiệp Hải Phòng
 -Từ 4/1989 đến 12/2002: Giám đốc Công ty Sơn Hải Phòng nay là Công ty CP Sơn Hải Phòng.
 -01/2003: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty

Chức vụ hiện tại:
 -Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng
 -Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Vico
 -Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần SIVICO
 -Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng 2

Ông Nguyễn Mộng Lân - Phó chủ tịch HĐQT

Năm sinh: 09/01/1949
Trình độ văn hóa: 10/10
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư quá trình và thiết bị công nghiệp hóa chất
Quá trình công tác:
 -Từ 1993 đến 1995: Phó phòng thiết kế tại Viện Thiết kế Công nghiệp Hóa chất
 -Từ 1994 đến 1995: Tổng Giám đốc của Daso Chi nhánh Hải Phòng
 -Từ 1995 đến 1997: Phó Tổng Giám đốc tại Công ty Liên doanh Hóa chất Soft
 -Từ 1998 đến 2009: Tổng Giám đốc tại Công ty TNHH VICO

Chức vụ hiện tại:
 -Tổng Giám đốc Công ty TNHH VICO
 -Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng
 -Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần SIVICO

Ông Hòa Quang Thiệp - Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc

Năm sinh: 14/03/1970
Trình độ văn hóa: 12/12
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác:
 -Từ 9/1997 đến 03/2002: Nhân viên kế toán Công ty Gia công thép VINANIC
 -Từ 4/2002 đến 2009: Giám đốc, Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần SIVICO

Chức vụ hiện tại:
 -Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần SIVICO kiêm Tổng giám đốc

Ông Nguyễn Thủy Nguyên - Thành viên HĐQT

Năm sinh: 29/03/1958
Trình độ văn hóa: 10/10
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Hóa máy
Quá trình công tác:
 -Từ 1992 đến 2000: Làm việc tại Công ty LHXD Vạn Cường
 -Từ 2001 đến 27/03/2002: Chủ tịch HĐQT Công ty LHXD Vạn Cường

Chức vụ hiện tại:
 -Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần SIVICO
 -Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty LHXD Vạn Cường



GIỚI THIỆU BAN LÃNH ĐẠO (TIẾP THEO)

Bà Phạm Thị Hương Lan - Thành Viên HĐQT

Năm sinh: 04/01/1960
Trình độ văn hóa: 12/12
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư hóa
Quá trình công tác:
 -Từ 1980 đến 2001: Làm việc tại Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng
 -Từ 01/2002 đến 27/03/2002: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần bao bì VLC

Chức vụ hiện tại:
 -Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần SIVICO

Ông Nguyễn Văn Dũng - Thành viên HĐQT

Năm sinh: 8/9/1972
Trình độ văn hóa: 12/12
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng
Quá trình công tác:
 -Từ 8/1994 đến 11/1996: Công ty Sơn Hải Phòng
 -Từ 12/1996 đến 12/2002: Trưởng chi nhánh Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng tại TP Hồ Chí Minh
 -Từ 01/2003 đến 9/2005: Giám đốc chi nhánh Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng tại TP Hồ Chí Minh
 -Từ 10/2005 đến 12/2006: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng
 -Từ 01/2007 đến 02/2015: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sơn dầu khí Việt Nam

Chức vụ hiện tại:
 -Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần SIVICO
 -Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sơn dầu khí Việt Nam
 -Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần BĐS Sơn và hóa chất Á Châu

Ông Trần Bình Ân - Thành viên HĐQT

Năm sinh: 14/9/1962
Trình độ văn hóa: Đại học
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Hóa học
Quá trình công tác:
 -Từ 1987 đến 1990: Kỹ sư Nhà máy Cơ khí Duyên hải-Hải Phòng
 -Từ 1990-2000: Cán bộ Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Hải Phòng
 -Từ 2001 đến 2003: Giám đốc Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Thị Trường VN
 -Từ 2004 đến 03/2015: Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Thị Trường Hóa Chất

Chức vụ hiện tại:
 -Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần SIVICO



GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT

GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU NĂM GIỮ	TỶ LỆ SỞ HỮU
1	Bà Bùi Kim Ngọc	Trưởng BKS	3.750	0,12%
2	Ông Đinh Văn Ước	Thành viên BKS	154.125	5%
3	Ông Hoàng Văn Hùng	Thành viên BKS	7.500	0,25%

Bà Bùi Kim Ngọc - Trưởng Ban kiểm soát

Năm sinh: 16/12/1968
Trình độ văn hóa: 12/12
Trình độ chuyên môn: Kế toán tổng hợp
Quá trình công tác:
 -Từ 10/1989 đến 09/1999: Nhân viên phòng tài vụ Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng
 -Từ 10/1999 đến 02/2005: Phó phòng tài vụ Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng
 -Từ 03/2005 đến 10/2008: Trưởng phòng tài vụ Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng

Chức vụ hiện tại:
 -Trưởng Ban Kiểm soát chuyên trách Công ty Cổ phần SIVICO
 -Kế toán trưởng kiêm thành viên hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng

Ông Đinh Văn Ước - Thành viên Ban kiểm soát

Năm sinh: 25/10/1958
Trình độ văn hóa: 10/10
Trình độ chuyên môn: Thợ bậc 6 Điện
Quá trình công tác:
 -Từ 01/1997 đến 12/1984: Công nhân mỏ than Vàng Danh
 -Từ 01/1985 đến 12/1985: Công nhân Công ty vật tư thủy lợi
 -Từ 01/1086 đến 12/1991: Công nhân xí nghiệp Mạ Điện
 -Từ 01/1992 đến 27/03/2002: PX cơ điện Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng
 -Từ 28/03/2002 đến 12/2007: PX cơ điện Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng, thành viên ban kiểm soát công ty cổ phần SIVICO

Chức vụ hiện tại:
 -Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần SIVICO
 -Phó quản đốc PX cơ điện Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng

Ông Hoàng Văn Hùng - Thành viên Ban kiểm soát

Năm sinh: 10/03/1981
Trình độ văn hóa: 12/12
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư
Quá trình công tác:
 -Từ 9/2003 đến 01/2004: Công ty Bao bì Thiên Hà
 -Từ 03/2004 đến 03/2015: Công ty Cổ phần SIVICO

Chức vụ hiện tại:
 -Trưởng phòng kinh doanh, thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần SIVICO

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU NĂM GIỮ	TỶ LỆ SỞ HỮU
1	Ông Hòa Quang Thiệp	Tổng Giám Đốc	475.312	15,78%

2	Bà Dương Thị Thanh Thủy	Quyền Kế toán trưởng	10	0
---	-------------------------	----------------------	----	---

Bà Dương Thị Thanh Thủy - Quyền Kế toán trưởng

Năm sinh: 17/11/1980
Trình độ văn hóa: 12/12
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán-Kiểm toán
Quá trình công tác:
 -Từ 12/2003 đến 2/2007: Nhân viên văn phòng-Phòng sản xuất Công ty TNHH RORZE ROBO-TECH
 -Từ 8/2009 đến 2/2010: Nhân viên phòng kế toán Công ty Cổ phần SIVICO

Chức vụ hiện tại:
 -Quyền Trưởng phòng Kế toán tổng hợp-Kế toán trưởng Công ty Cổ phần SIVICO



VỊ THẾ CÔNG TY

SWOT

Điểm mạnh:

Là đơn vị đầu tiên tại Việt Nam sản xuất Sơn giao thông nhiệt dẻo phản quang

Với lợi thế là nhà sản xuất nhiều kinh nghiệm, Công ty Cổ phần SIVICO hoàn toàn có thể đảm nhận phần thi công trọn gói đảm bảo chất lượng vạch Sơn tốt nhất, tiến độ nhanh nhất.

Địa bàn hoạt động rộng khắp cả nước

Công ty có một đội ngũ CBCNV gần 90 người, với độ tuổi lao động bình quân còn rất trẻ, các cán bộ quản lý, kỹ thuật, nhân viên đều có trình độ Đại học chuyên ngành hoá học, điện, điện tử, tự động hoá, cơ khí chế tạo, kinh tế tài chính v.v... và công nhân lành nghề.

Bộ máy quản lý tinh giản, không phức tạp, công kênh, dựa trên nền tảng “tin cậy, đoàn kết, sáng tạo, liên tục bổ sung nâng cấp trình độ chuyên môn” đã giúp công ty phát huy được tối đa hiệu quả các nguồn lực.

Thế mạnh sẵn có về máy móc, thiết bị hiện đại công nghệ tiên tiến được chuyển giao từ tập đoàn DPI - Malaysia, cộng với tính cần cù, sức sáng tạo và kinh nghiệm của CBCNV công ty đã đem lại sự vượt trội về lợi thế so với các nhà sản xuất cạnh tranh.

Chất lượng sản phẩm được kiểm soát nghiêm ngặt bởi đội ngũ kỹ sư, công nhân kỹ thuật chuyên ngành được đào tạo tiếp nhận công nghệ tại Malaysia và Singapore.

Điểm yếu:

Công ty còn tồn chi phí để bảo quản một số lượng tương đối lớn hàng tồn kho

Cơ hội

Tiềm năng to lớn của thị trường ngành nhựa và đặc biệt là bao bì phức hợp tại Việt Nam: Thị trường bao bì màng mỏng màng bánh kẹo tăng cao

Thị trường xuất khẩu được đẩy mạnh và được khách hàng Myanmar đánh giá cao về chất lượng, uy tín

Thách thức:

- Thị trường ngày càng cạnh tranh khốc liệt
- Giá nguyên liệu chính cả hai màng sơn và bao bì đều tăng ảnh hưởng không nhỏ đến giá nguyên liệu
- Bị ảnh hưởng bởi tình hình đầu tư xây dựng đường giao thông của Việt Nam còn chậm

Vị thế

Vị thế của Công ty trong ngành:

Ngày nay, trong xu thế hội nhập toàn cầu, yêu cầu mỗi doanh nghiệp phải có những bước đi riêng để chuyển mình bắt kịp với những thay đổi mang tính cạnh tranh ngày càng khốc liệt của thị trường, qua đó tự khẳng định vị thế của mình. Công ty Cổ phần SIVICO, là một doanh nghiệp còn rất trẻ, đã phải vượt qua những thử thách của cơ chế thị trường có sự cạnh tranh gay gắt để không ngừng lớn mạnh. Đóng góp vào sự nghiệp “Công nghiệp hóa, Hiện đại hóa, Tăng cường công tác đảm bảo an toàn giao thông” của đất nước, SIVICO đang tự khẳng định vị trí của Công ty trên thị trường cung cấp các sản phẩm Sơn giao thông nhiệt dẻo phản quang và Bao bì các loại tại Việt Nam. Khách hàng chủ yếu của Công ty tại thị trường trong nước là các Công ty quản lý và sửa chữa đường đô thị, đường quốc lộ, các nhà thầu xây dựng giao thông, các công ty sản xuất bột giặt, chất tẩy rửa, mỹ phẩm, thực phẩm...Ngoài ra Công ty còn tham gia vào các gói thầu dự án quan trọng về giao thông như:

QL1, QL2, QL6, Đường Hồ Chí Minh...Không những cung cấp sản phẩm cho thị trường trong nước, Công ty đang có kế hoạch tiếp cận một số thị trường nước ngoài như: Myanmar, Lào, Campuchia... tiến tới xuất khẩu sản phẩm. Các đặc tính vượt trội của Sơn giao thông nhiệt dẻo phản quang DPI so với các loại sơn khác:

- + Độ phát sáng cao vượt xa tiêu chuẩn quy định
- + Độ bền màu tốt (chỉ số vàng hóa thấp)
- + Chỉ số chống trượt cao làm tăng ma sát nâng cao khả năng an toàn đường trong mọi điều kiện thời tiết
- + Độ bám dính tuyệt vời, dễ thi công, tiết kiệm vật tư, nhiên liệu, không lắng cặn phân tầng khi gia nhiệt liên tục ở nhiệt độ cao

Triển vọng phát triển của ngành:

Trong những năm gần đây hệ thống giao thông ở Việt Nam ngày càng phát triển các dự án xây dựng đường, cầu, hầm được mở rộng để đáp ứng nhu cầu giao thông ngày một tăng. Những phương tiện an toàn tiên tiến đang được ứng dụng vào các hệ thống giao thông hiện đại nhằm đảm bảo an toàn cho người sử dụng. Những phương tiện này bao gồm các tín hiệu có thể nhận thấy được trên đường, các vật phản xạ ánh sáng, gương cầu lồi, các trụ phân cách đường, hệ thống chắn tàu hỏa, hệ thống điều khiển giao thông và sơn chỉ dẫn đang được áp dụng vào hệ thống giao thông nhằm đảm bảo an toàn cho người sử dụng



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Các mục tiêu chủ yếu của công ty:

Tập trung xây dựng chiến lược kinh doanh hiệu quả, nâng cao quy mô, năng suất và chất lượng sản phẩm;

Liên kết với các đối tác nước ngoài hoặc mua các công nghệ sản xuất tiên tiến nhất để chế tạo các loại sản phẩm chất lượng cao hiện trong nước chưa sản xuất được

Đào tạo, nâng cao trình độ của các khâu kỹ thuật, nghiệp vụ nhằm thiết kế, chế tạo các sản phẩm phù hợp với đòi hỏi của thị trường và đảm bảo sản xuất, kinh doanh có hiệu quả

Với mục tiêu mở rộng thị trường tiêu thụ, đa dạng hóa trong sản phẩm, Công ty luôn chú trọng đẩy mạnh các hoạt động marketing, bao gồm:

Thực hiện cơ chế khoán doanh thu đối với hệ thống các chi nhánh nhằm đẩy mạnh việc tiêu thụ và phát triển thị trường. Cụ thể: thưởng trên phần doanh thu thực hiện vượt so với kế hoạch, tính theo tỷ lệ %.

Thúc đẩy bán hàng thông qua hệ thống Nhà phân phối:

Hỗ trợ các dịch vụ trong bán hàng như vận chuyển, chăm sóc hệ thống đại lý cấp dưới của Nhà phân phối.

Hỗ trợ các dịch vụ sau bán hàng: bảo hành, cung cấp tài liệu kỹ thuật, công nghệ, tư vấn đặc tính sản phẩm, cách thức phân phối, quảng cáo, quảng bá có tính chất gắn liền với Nhà phân phối.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Về khẩu hiệu và chiến lược kinh doanh:

"TIN CẬY, ĐOÀN KẾT, SÁNG TẠO, LIÊN TỤC ĐỔI MỚI"

Về chính sách chất lượng sản phẩm/ dịch vụ:

Chất lượng tạo sự khác biệt, Dịch vụ kỹ thuật tận tình

Về chính sách thị trường và bán hàng:

Có chiến lược phủ kín thị trường và mở rộng mạng lưới phân phối sản phẩm đến trên toàn quốc và phát triển thị trường xuất khẩu.

Về đổi mới công nghệ, cải tiến kỹ thuật:

Liên tục nghiên cứu phát triển và ứng dụng các nguyên liệu mới để nâng cao chất lượng cũng như tính năng mới của sản phẩm.

Khuyến khích đổi mới, sáng tạo trong mỗi cá nhân, mỗi bộ phận trong Công ty.

Về chính sách đào tạo nhân lực:

Nguồn nhân lực là tài sản quý giá của Công ty. Công ty luôn chú trọng đầu tư đào tạo nội bộ cũng như đào tạo các khóa học chuyên sâu, nâng cao cho đội ngũ cán bộ nhân viên Công ty.

Mời chuyên gia đến hướng dẫn học tập;

Về xây dựng văn hóa doanh nghiệp:

Tuyên truyền cho CBCNV chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật của nhà nước, nội quy quy chế của doanh nghiệp.

Tôn trọng các giá trị của doanh nghiệp (tôn trọng chất lượng sản phẩm do mình tạo ra).

Tác phong làm việc công nghiệp, thái độ làm việc vui vẻ, văn minh lịch sự.

Thực hiện tốt các quyền lợi đối với người lao động; động viên khen thưởng CBCNV kịp thời tạo động lực cho người lao động trong lao động sản xuất.

Tạo điều kiện thuận lợi nhất để các tổ chức đoàn thể trong Công ty hoạt động

Các hoạt động khác:

Đối với việc bảo vệ môi trường: Thân thiện, giữ gìn, nâng niu

Tích cực tham gia các hoạt động của địa phương: đóng góp đầy đủ các quỹ, thăm hỏi tặng quà cho các đối tượng CBCNV có hoàn cảnh khó khăn, tích cực tham gia các hoạt động công ích của địa phương ...

Sản xuất kinh doanh theo đúng quy định của Nhà nước.

Công ty cam đoan và chịu trách nhiệm về tính khách quan và xác thực của các thông tin trong Hồ sơ cũng các tài liệu công bố thông tin.



RỦI RO

Rủi ro về kinh tế:

Triển vọng tăng trưởng kinh tế thế giới:

Nền kinh tế thế giới trong năm 2019 tiếp tục đối mặt với nhiều rủi ro, không chỉ từ cuộc chiến thương mại Mỹ-Trung mà còn từ việc Anh ra khỏi Liên minh châu Âu (EU), và những căng thẳng địa chính trị. Thương mại toàn cầu bị đình trệ, kéo theo hoạt động kinh tế tại hầu hết các nền kinh tế lớn đều chậm lại. Mặc dù thế giới đã ghi nhận những tiến triển vào cuối năm, nhưng bất ổn vẫn đang hiện hữu, đe dọa đến triển vọng năm 2020. Các cuộc chiến thương mại đang khiến kinh tế thế giới rơi vào tình trạng “giảm tốc đồng loạt”, với gần 90% các nước trên thế giới dự kiến tăng trưởng chậm lại trong năm 2019.

Trong khi đó, thị trường xuất khẩu giảm dần, chi phí vốn vay tăng lên và chính sách thiếu ổn định sẽ là gánh nặng đối với viễn cảnh của các quốc gia đang phát triển và các quốc gia mới nổi. Tăng trưởng cho nhóm này được kỳ vọng giữ vững mức 4,2% trong năm nay, thấp hơn so với dự báo trước đó. Xu hướng tăng xuất khẩu hàng hóa đang chững lại, trong khi các hoạt động nhập khẩu có dấu hiệu giảm dần. Tăng trưởng bình quân đầu người của 35% các quốc gia đang phát triển và quốc gia mới nổi không đủ để thu hẹp khoảng cách thu nhập với các quốc gia phát triển trong năm 2019. Tỷ lệ này đối với các quốc gia dễ bị tổn thương, xung đột và bạo lực lên đến 60%.

Trong quý III/2019, kinh tế Trung Quốc tăng trưởng 6%, mức thấp nhất kể từ năm 1992, trước sự sụt giảm nhu cầu trong nước và cuộc chiến thương mại kéo dài với Mỹ.

Các nền kinh tế đang phát triển và thị trường mới nổi trong năm 2019 tăng trưởng giảm tốc do đầu tư và xuất khẩu yếu hơn so với dự kiến. Đặc biệt, các nền kinh tế lớn lại có đà suy giảm mạnh hơn dự kiến vì những biến động tài chính và suy thoái toàn cầu. Bên cạnh đó, triển vọng tăng trưởng kinh tế toàn cầu vẫn bị chi phối bởi rủi ro về căng thẳng thương mại tái leo thang cùng những bất định về chính sách thương mại toàn cầu. Thậm chí khi tăng trưởng ở các nền kinh tế đang phát triển và mới nổi được hồi phục theo

dự kiến, tăng trưởng theo đầu người vẫn thấp hơn so với mức bình quân trong dài hạn và thấp hơn nhiều so với mức cần thiết để hoàn thành các mục tiêu về xóa nghèo. Mức nợ cao kỷ lục và tình hình tài chính công yếu khiến nhiều nước dễ bị tổn thương trước những cú sốc hay việc lãi suất bất ngờ tăng.

Tốc độ tăng trưởng kinh tế Việt Nam:

Đà tăng trưởng của Việt Nam chậm lại ngay từ đầu năm 2019. Rủi ro tiếp tục gia tăng, do tình trạng bất định toàn cầu tăng lên căng thẳng thương mại tái leo thang và biến động tài chính nhiều hơn. Rủi ro bên ngoài còn trở nên phức tạp hơn khi kết hợp với những nguy cơ dễ tổn thương trong nước, bao gồm chậm trễ trong quá trình củng cố tình hình tài khóa, cải cách doanh nghiệp nhà nước và khu vực ngân hàng, gây ảnh hưởng đến cảm nhận của nhà đầu tư và viễn cảnh tăng trưởng.

Trong năm 2020, cơ hội và thách thức đối với Việt Nam sẽ đan xen. Đó là những cơ hội đến từ các hiệp định thương mại tự do mới, từ các nhà đầu tư nước ngoài, từ sự hừng khởi của các doanh nghiệp trong nước, hay khả năng tiếp cận cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Ngoài ra, vai trò Chủ nhà ASEAN, Ủy viên không thường trực của Hội đồng bảo an Liên hợp quốc cũng sẽ mang lại thêm những cơ hội mới. Dù vậy, cũng cần nhìn nhận những khó khăn nội tại của nền kinh tế, ví dụ như chất lượng nguồn nhân lực và hạ tầng, yếu kém về hệ thống thông tin, thống kê cho điều hành trên không ít lĩnh vực, hay khả năng duy trì đa cải cách trên những lĩnh vực quan trọng như môi trường kinh doanh.

Rủi ro về luật pháp:

Các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần SIVICO chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các Luật khác. Trong giai đoạn hoàn thiện khung pháp lý, các thay đổi của luật và văn bản luật có thể tạo ra rủi ro về luật pháp. Vì thế yêu cầu đặt ra đối với Công ty là phải chú trọng nghiên cứu, cập nhật kiến thức về quá trình hội nhập cũng như môi trường pháp lý để có thể hạn chế những rủi ro trong hoạt động kinh doanh.

Rủi ro về biến động giá nguyên vật liệu:

Là một doanh nghiệp sản xuất, sự biến động giá cả các nguyên vật liệu đầu vào có ảnh hưởng lớn tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Trong thời gian gần đây, giá cả nguyên liệu chính có xu hướng tăng. Để giảm thiểu sự ảnh hưởng của biến động giá cả nguyên vật liệu đến hiệu quả kinh doanh, Công ty đã thương lượng với các nhà cung ứng về giá và chủ động thực hiện chính sách dự trữ nguyên vật liệu hợp lý để duy trì sự ổn định lâu dài về chi phí đầu vào cho hoạt động sản xuất kinh doanh của mình.



**TÌNH HÌNH
HOẠT ĐỘNG
TRONG NĂM**



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Công ty Cổ phần SIVICO hoạt động trong lĩnh vực hóa chất, cụ thể là sơn giao thông nhiệt dẻo phản quang và các nguyên vật liệu ngành bao bì và in ấn. Hóa chất nói chung là ngành công nghiệp đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế, cung cấp nguyên liệu đầu vào cho nhiều ngành sản xuất thiết yếu phục vụ sản xuất và tiêu dùng như phân bón, sơn và mực in, thuốc bảo vệ thực vật, chất tẩy rửa,... Ngành công nghệ sản xuất hóa chất Việt Nam đang vươn mình lớn mạnh với tỷ lệ tăng trưởng mỗi năm 12%, trở thành một trong những ngành kinh tế trọng điểm và được ưu tiên để đáp ứng các nhu cầu cho các ngành công nghiệp khác và nền kinh tế nói chung. Là doanh nghiệp đứng đầu Việt Nam về sơn giao thông nhiệt dẻo phản quang, Công ty

Cổ phần SIVICO đã góp phần không nhỏ vào sự tăng trưởng này.

Trong thời điểm hiện nay, hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ bao phủ khắp lãnh thổ và đóng vai trò trực tiếp kết nối mạng lưới giữa các vùng, miền, các cảng hàng không, cảng biển, cửa khẩu, đầu mối giao thông quan trọng. Bên cạnh đó, hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ có những bước phát triển mạnh theo hướng hiện đại. Đây cũng là nền tảng khiến ngành sơn, đặc biệt là sơn vạch kẻ đường tăng mạnh. Với hơn 600 doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh sơn và hầu hết các hãng sơn lớn của thế giới đều xuất hiện tại Việt Nam, cuộc cạnh tranh trên thị trường giữa sơn nội và sơn ngoại luôn mạnh mẽ.

Kết quả sản xuất kinh doanh so với kế hoạch

Tình hình thực hiện kế hoạch năm 2019:

Kết thúc năm 2019, doanh thu Công ty đạt 195.956 triệu, tương đương 85,24% so với kế hoạch đề ra, dẫn đến việc trả cổ tức của Công ty chỉ đạt 33,33% so với kế hoạch đề ra ban đầu. Tuy nhiên, lợi nhuận trước thuế của Công ty vẫn đạt 30.263 triệu đồng, vượt 100,83% so với kế hoạch.

Chỉ tiêu	Đơn vị	KH năm 2019	TH năm 2019	TH 2019/KH 2019 (%)
Doanh thu	Triệu đồng	230.000	195.956	85,20
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	30.000	30.263	100,88
Cổ tức	%	30%	30%	100

Kết quả kinh doanh qua các năm

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Tăng trưởng 2019/2018 (%)	CAGR (16-19)
Kết quả hoạt động kinh doanh							
Doanh thu	Triệu đồng	167.651	196.530	194.772	195.956	0,61%	5,34%
Doanh thu thuần	Triệu đồng	167.651	196.150	194.421	195.523	0,57%	5,26%
Giá vốn hàng bán	Triệu đồng	119.490	140.997	149.617	143.197	-4,29%	6,22%
Lợi nhuận gộp	Triệu đồng	48.161	55.153	44.804	52.326	16,79%	2,80%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động tài chính	Triệu đồng	-2.484	-2.513	-1.609	-2.195	36,43%	-4,04%
Chi phí hoạt động	Triệu đồng	8.019	15.960	15.982	19.866	24,31%	35,31%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	32.517	37.549	27.285	30.264	10,92%	-2,36%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác	Triệu đồng	-2	473	37	-2	-104,15%	-8,69%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	32.515	38.023	27.322	30.263	10,76%	-2,36%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	30.596	36.189	25.752	26.409	2,55%	-4,79%



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH (Tiếp Theo)

Xét về doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ, trung bình trong 04 năm từ 2016-2019, doanh thu Công ty tăng 5,34%, đạt 195.956 triệu trong năm 2019. Sở dĩ có sự tăng lên này là do nhu cầu của thị trường về sơn giao thông ngày một tăng, đặc biệt mảng duy tu trong năm 2019 tăng trưởng khá. Nguyên nhân là do Quy chuẩn mới về An toàn giao thông được áp dụng, trong đó quy định rõ khi nào phải sơn duy tu và trách nhiệm của đơn vị quản lý đường so với Quy chuẩn các năm trước. Bên cạnh đó, trong năm 2019 việc xuất khẩu sang thị trường Myanmar của Công ty tăng trưởng tốt.

Doanh thu thuần trung bình trong cả giai đoạn 2016 - 2019 tăng 5,26%, đạt 195.523 triệu năm 2019 do các khoản giảm trừ doanh thu của Công ty có xu hướng giảm.

Giá vốn hàng bán của Công ty năm 2019 đạt 143.197 triệu, tăng trung bình 6,22% trong cả giai đoạn 2016 - 2019 do giá nguyên liệu chính cả hai mảng sơn và bao bì đều tăng



ảnh hưởng không nhỏ đến giá nguyên liệu. Năm 2019 là năm của bảo vệ môi trường, gần như khắp mọi nơi trên thế giới đều cùng nhau hạn chế việc sử dụng bao bì nhựa, thay vào đó là những dạng bao bì “xanh” đảm bảo an toàn cho môi trường. Chính nhờ lý do này, ngành bao giấy ở khắp mọi nơi đều phát triển một cách mạnh mẽ, và Việt Nam không nằm ngoài xu hướng chung đó. Giá

nguyên liệu sản xuất bao bì năm 2019 cũng tăng mạnh. Tuy nhiên, so với năm 2018, giá vốn hàng bán giảm 4,29% do Công ty đã cải tiến và hoàn thiện quy trình công nghệ từng công đoạn sản xuất bao bì, nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm tỷ lệ phế phẩm xuống dưới 2%, giảm tiêu hao vật tư và chi phí sản xuất.

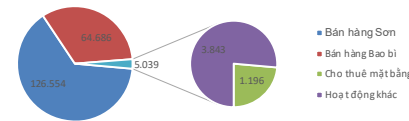
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh nhìn chung trong 04 năm giảm 2,36%, đạt 30.264 triệu năm 2019. Tuy nhiên, so với năm 2018 đạt 27.285 triệu, chỉ tiêu này trong năm 2019 đã tăng 10,92% do lợi nhuận gộp năm 2019 đạt 52.326 triệu, tăng 16,79% so với năm 2018. Bên cạnh đó, chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2019 cũng giảm do Công ty đã thực hiện các biện pháp về quản lý một cách hiệu quả. Công ty đã triển khai hệ thống phần mềm quản trị tổng thể doanh nghiệp nhằm quản trị tất cả các khâu trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Bên cạnh đó, Công ty cũng cập nhật thông tin diễn biến thị trường nhanh nhạy để quyết định thời điểm cũng như lượng vật tư mua vào hợp lý nhất trước khả năng diễn biến thất thường của giá nguyên liệu thế giới năm 2019. Hơn nữa, Công ty cũng nâng cao nhận thức về áp dụng hiệu quả hệ thống TQM vào hoạt động của toàn công ty, góp phần sản xuất ra sản phẩm có chất lượng cao, tiết kiệm chi phí, bảo vệ môi trường.



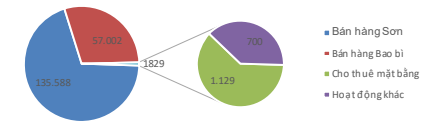
Cơ cấu doanh thu, lợi nhuận theo dòng sản phẩm

Chỉ tiêu	ĐVT	Doanh thu thuần		
		TH năm 2018	TH năm 2019	% Tăng trưởng
Bán hàng Sơn	Triệu đồng	135.588	126.554	-6,66%
Bán hàng Bao bì	Triệu đồng	57.002	64.686	13,48%
Cho thuê mặt bằng	Triệu đồng	1.129	1.196	5,93%
Hoạt động khác	Triệu đồng	700	3.843	240,39%
TỔNG	Triệu đồng	194.420	195.523	0,96%

CƠ CẤU DOANH THU 2019



CƠ CẤU DOANH THU 2018



Hai lĩnh vực trọng yếu của Công ty là bán hàng Bao bì và bán hàng Sơn, dịch vụ cho thuê mặt bằng chỉ chiếm một tỉ trọng rất nhỏ trong cơ cấu doanh thu của Công ty. Dịch vụ cho thuê mặt bằng tuy có sự tăng lên về doanh thu thuần, tăng 5,93% so với năm 2018, đạt 1.196 triệu nhưng vẫn chỉ chiếm 0,61% trong cơ cấu doanh thu. Doanh thu thuần từ hoạt động bán hàng Sơn tuy có sự suy giảm về doanh thu, đạt 126.554 triệu năm 2019, giảm 6,66% so với năm 2018 nhưng vẫn chiếm tỉ trọng lớn trong cơ cấu doanh thu, chiếm 64,48%. Sở dĩ doanh thu thuần từ hoạt động bán hàng Sơn vẫn chiếm tỉ trọng lớn là do nhu cầu thị trường về sơn giao thông ngày càng tăng. Bên cạnh đó, Công ty cũng tăng cường công tác marketing, phát triển thị trường xuất khẩu sang Philipine và Indonesia. Đặc biệt, năm 2019 chứng kiến sự tăng trưởng về doanh thu thuần cũng như tỉ trọng của hoạt động bán hàng Bao bì của Công ty. Năm 2019, doanh thu thuần của hoạt động này đạt 64.686%,

tăng 13,48% so với năm 2018, cùng với đó là sự tăng trưởng về tỉ trọng trong cơ cấu doanh thu của Công ty, chiếm 32,96% trong năm 2019 so với 29,32% năm 2018. Sự tăng trưởng này là do trong năm 2019 Công ty đã mở rộng thị trường bao bì màng mỏng, ưu tiên phát triển sản phẩm yêu cầu chất lượng cao. Công ty đã cải tiến và hoàn thiện quy trình công nghệ từng công đoạn sản xuất bao bì, nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm tỷ lệ phế phẩm xuống còn dưới 2%.



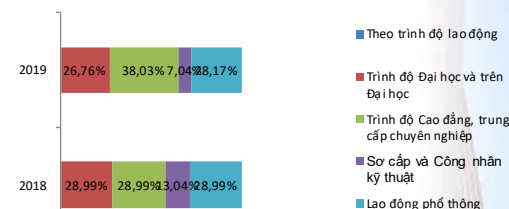
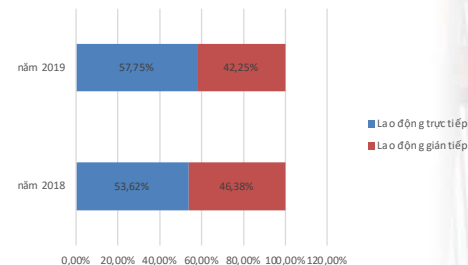
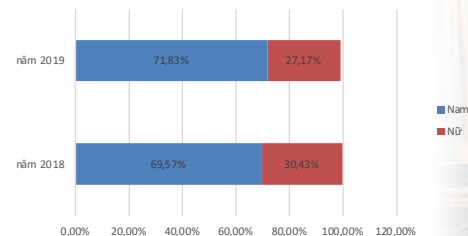
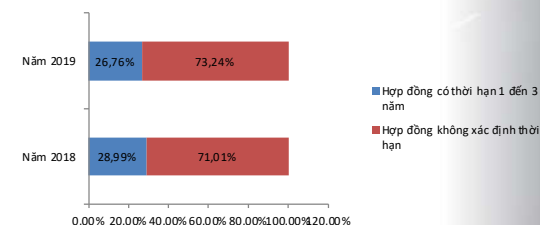

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

STT	Tiêu chí	Năm 2018		Năm 2019	
		Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
I	Theo trình độ lao động				
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	20	28,99%	19	26,76%
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	20	28,99%	27	38,03%
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	9	13,04%	5	7,04%
4	Lao động phổ thông	20	28,99%	20	28,17%
II	Theo đối tượng lao động				
1	Lao động trực tiếp	37	53,62%	41	57,75%
2	Lao động gián tiếp	32	46,38%	30	42,25%
III	Theo giới tính				
1	Nam	48	69,57%	51	71,83%
2	Nữ	21	30,43%	20	28,17%
IV	Theo thời hạn HĐLĐ				
1	Hợp đồng ngắn hạn dưới 1 năm	0	0,00%	0	
2	Hợp đồng có thời hạn 1 đến 3 năm	20	28,99%	19	26,76%
3	Hợp đồng không xác định thời hạn	49	71,01%	52	73,24%
V	Theo cấp quản lý				
1	Quản lý cấp cao	1	1,45%	1	1,41%
2	Quản lý cấp trung	4	5,80%	4	5,63%
3	Quản lý cấp chi nhánh	0		0	
4	Chuyên viên, nhân viên	27	39,13%	25	35,21%
VI	Theo độ tuổi				
1	Từ 18 đến 25 tuổi	10	14,49%	6	8,45%
2	Từ 26 đến 35 tuổi	22	31,88%	23	32,39%
3	Từ 36 đến 45 tuổi	20	28,99%	23	32,39%
4	Trên 45	17	24,64%	19	26,76%
	Tổng cộng	69	100%	71	100%

Trong năm 2019, Công ty không có sự thay đổi về nhân sự Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban điều hành.

Cơ cấu nhân sự của Công ty tại thời điểm 31/12/2019:

Tại thời điểm 31/12/2019, tổng số lao động hiện có của Công ty là 71 người

Cơ cấu lao động theo trình độ

Cơ cấu lao động theo đối tượng

Cơ cấu lao động theo giới tính

Cơ cấu lao động theo thời hạn HĐLĐ


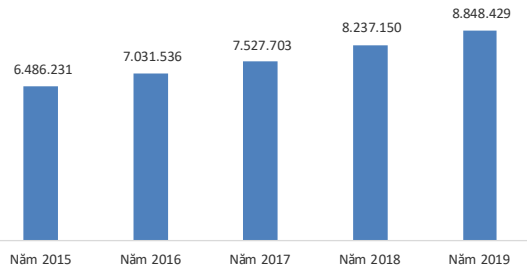
TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ (TIẾP THEO)

Thống kê lao động qua các năm

Số lượng lao động qua các năm



Mức lương trung bình (triệu đồng/người/tháng)



STT	Tiêu chí	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
1	Số lượng người lao động	73	71	72	69	71
2	Thu nhập/ lương trung bình (triệu đồng/ người/ tháng)	6.486.231	10,775,000	11,320,000	12,246,532	13,814,000

Chính sách lương:

Công ty thực hiện phân phối lương theo tính chất công việc và trách nhiệm của người lao động, Quỹ tiền lương được phân phối trực tiếp cho người lao động, không sử dụng vào mục đích khác. Trường hợp người lao động làm thêm giờ hoặc làm đêm, Công ty thực hiện việc chi trả phụ cấp làm đêm và lương ngoài giờ theo đúng quy định của Bộ luật Lao động đã ban hành.

Chính sách khen thưởng:

Hàng năm, người lao động được đánh giá, phân loại để làm cơ sở cho khen thưởng cho người lao động vào cuối năm. Ngoài ra, Công ty thường cho người lao động nhân dịp các ngày Lễ lớn như: Tết nguyên đán, Tết Dương lịch, Lễ 30/04 và Quốc tế lao động 01/05, Lễ Quốc khánh 2/9.

Bảo hiểm xã hội:

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho tất cả những người lao động thuộc diện bắt buộc phải đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.





TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN DỰ ÁN

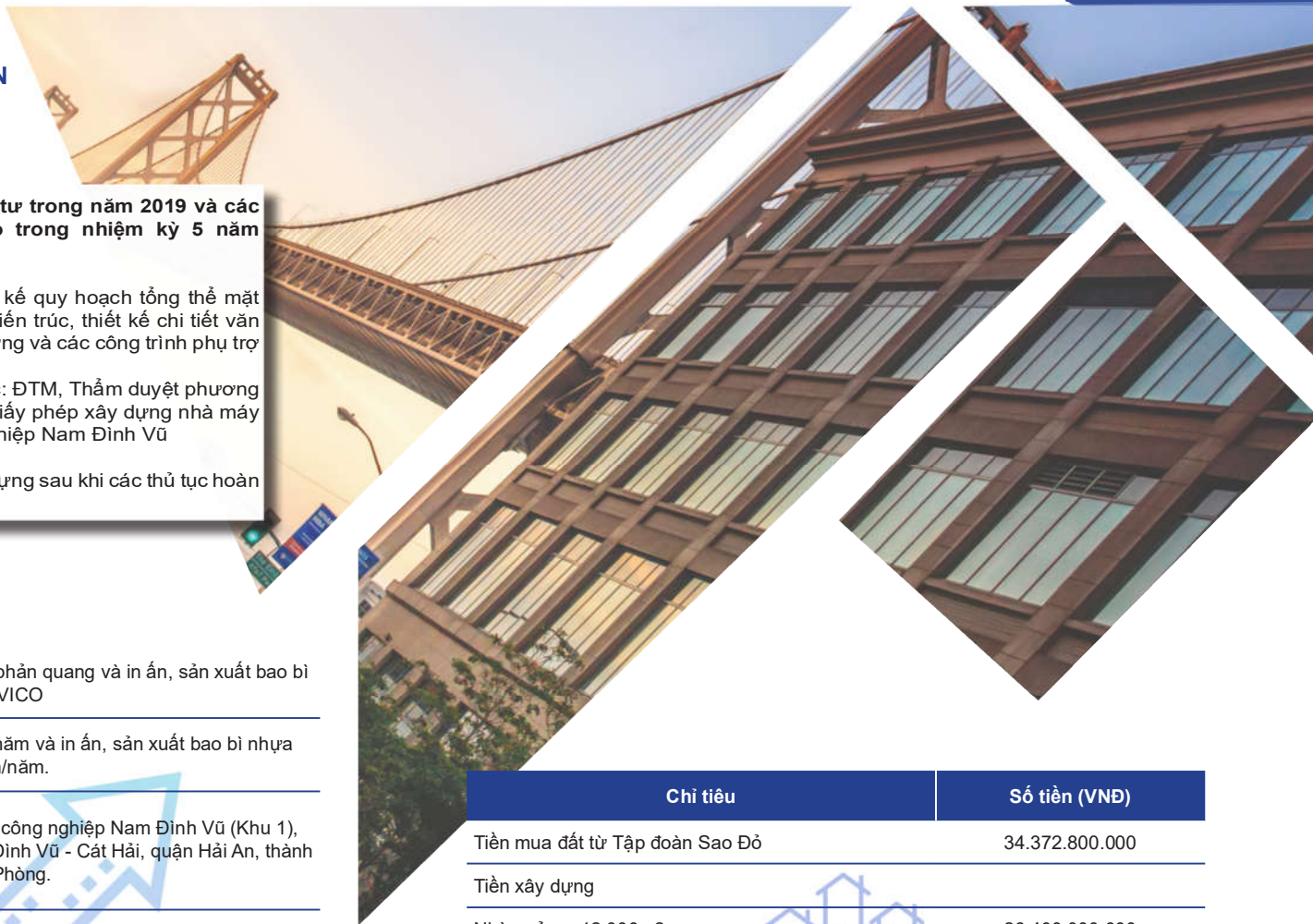
Về lâu dài, cụm công nghiệp Vĩnh Niệm sẽ phải chuyển đổi và diện tích nhà máy tại Trảng Duệ quá chật hẹp không thể đáp ứng được cho sự phát triển của Công ty trong thời gian tới. Do vậy Hội đồng quản trị đã thông qua quyết định lấy 21.000m² đất tại khu Công Nghiệp Nam Đình Vũ để phát triển SIVICO trong tương lai lâu dài.

Tình hình đầu tư trong năm 2019 và các năm tiếp theo trong nhiệm kỳ 5 năm 2018-2023:

Phê duyệt thiết kế quy hoạch tổng thể mặt bằng, thiết kế kiến trúc, thiết kế chi tiết văn phòng, nhà xưởng và các công trình phụ trợ

Hoàn tất thủ tục: ĐTM, Thẩm duyệt phương án PCCC, xin giấy phép xây dựng nhà máy tại khu công nghiệp Nam Đình Vũ

Triển khai xây dựng sau khi các thủ tục hoàn tất



Khái quát dự án

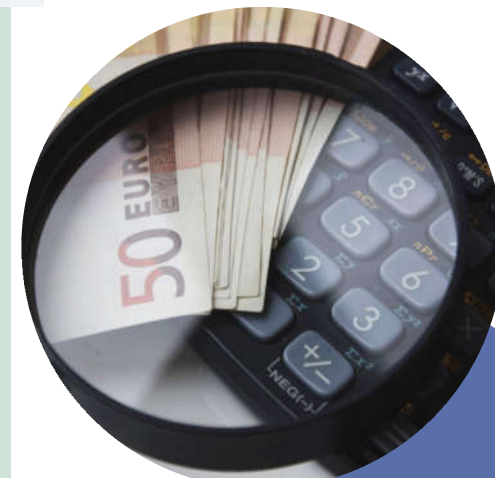
Tên dự án	Dự án đầu tư sản xuất Sơn giao thông phản quang và in ấn, sản xuất bao bì nhựa SIVICO
Quy mô	Sản xuất sơn giao thông: 30.000 tấn/năm và in ấn, sản xuất bao bì nhựa 6.000 tấn/năm.
Địa điểm thực hiện dự án	Lô CN2-03, Khu phi thuế quan và Khu công nghiệp Nam Đình Vũ (Khu 1), phường Đông Hải 2, thuộc Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.
Diện tích đất dự kiến sử dụng	21.000 m ²
Tổng vốn đầu tư	198.000.000.000 đồng (một trăm chín mươi tám tỷ đồng)
Thời hạn hoạt động của dự án	41 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư
Tiến độ	Quý IV/2019 đến Quý I/2021 xây dựng giai đoạn 1, lắp đặt thiết bị, chạy thử. Quý II/2021 hoạt động chính thức

Chỉ tiêu	Số tiền (VNĐ)
Tiền mua đất từ Tập đoàn Sao Đỏ	34.372.800.000
Tiền xây dựng	
Nhà xưởng: 12.000m ²	26.400.000.000
Nhà văn phòng: 1.500m ²	6.750.000.000
Các công trình phụ trợ	5.000.000.000
Máy móc thiết bị và chi phí lắp đặt giai đoạn 1	58.000.000.000
Cộng giai đoạn 1	130.522.800.000

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019	% Tăng trưởng
Tổng tài sản	Triệu đồng	218.140	227.599	4,34%
Doanh thu thuần	Triệu đồng	194.421	195.523	0,57%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	27.285	30.264	10,92%
Lợi nhuận từ hoạt động tài chính	Triệu đồng	-1.609	-2.195	36,43%
Lợi nhuận khác	Triệu đồng	37	-2	-104,15%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	27.322	30.263	10,76%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	25.752	26.409	2,55%

Nhìn chung, các chỉ số về tổng tài sản, doanh thu thuần, lợi nhuận sau thuế của Công ty đều tăng so với năm ngoái. Tổng tài sản năm 2019 đạt 227.599 triệu đồng, tăng 4.34% so với năm 2018 do năm nay Công ty đầu tư nhà máy mới tại khu công nghiệp Nam Đình Vũ với diện tích mặt bằng 21.000m² theo hướng tự động hóa. Doanh thu thuần của Công ty tăng 0,57% so với năm ngoái, đạt 195.523 triệu năm 2019. Doanh thu của Công ty chủ yếu đến từ hoạt động bán hàng Sơn và bán hàng Bao bì. Nhu cầu của thị trường về hai sản phẩm này ngày càng tăng. Công ty luôn tập trung phát triển sản phẩm cốt lõi là sản phẩm sơn giao thông phản quang, các sản phẩm thuộc lĩnh vực an toàn giao thông và bao bì nhựa cao cấp. Bên cạnh đó, Công ty cũng đẩy mạnh đẩy mạnh mở rộng thị trường cả hai mảng sơn giao thông và bao bì màng mỏng. Hơn nữa, Công ty cũng tăng cường tiếp thị mảng duy tu bảo dưỡng và hỗ trợ dịch vụ kĩ thuật, tập trung thúc đẩy xuất khẩu sơn đi Myanmar, Lào, Campuchia và tìm kiếm thị trường mới, tập trung phát triển khách hàng bao bì lớn cao cấp lĩnh vực bánh kẹo, chế biến thực phẩm. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh tăng 10,92% so với năm ngoái, đạt 30.264 triệu năm 2019, nhanh hơn tốc độ tăng của doanh thu thuần, chứng tỏ công tác quản lý chi phí của doanh nghiệp được thực hiện một cách hiệu quả.





TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

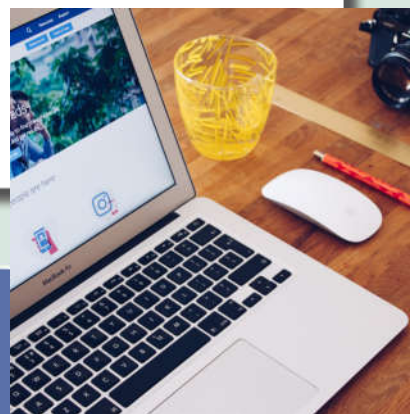
Hai hệ số thể hiện chỉ tiêu về khả năng thanh toán đều ở mức an toàn. Cụ thể, hệ số thanh toán ngắn hạn năm 2019 là 2,6488 lần, tăng 0,0459 lần so với năm ngoái. Điều này chứng tỏ Công ty hoàn toàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn trong vòng 12 tháng bằng các tài sản có khả năng chuyển hóa thành tiền trong vòng 12 tháng tới. Hệ số thanh toán nhanh của Công ty cũng tăng so với năm ngoái, đạt 1,8432 lần năm 2019, thể hiện Công ty vẫn đảm bảo yêu cầu khả năng đáp ứng ngay các khoản nợ ngắn hạn của doanh nghiệp. Sự chênh lệch giữa hai hệ số này chứng tỏ tài sản ngắn hạn của Công ty phụ thuộc khá lớn vào hàng tồn kho.

Hai hệ số thể hiện chỉ tiêu về cơ cấu vốn của Công ty đều giảm. Hệ số nợ/Tổng tài sản của Công ty đạt 25,23% năm 2019, giảm 2,85% so với năm 2018. Điều này chứng tỏ 25,23% tài sản của Công ty là từ đi vay. Sự giảm xuống của chỉ tiêu này chứng tỏ Công ty vay ít hơn năm ngoái, chứng tỏ rằng Công ty có khả năng tự chủ tài chính cao. Tuy nhiên, điều này cũng thể hiện rằng Công ty chưa biết khai thác đòn bẩy tài chính, chưa biết cách huy động vốn bằng hình thức đi vay. Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu của Công ty đạt 33,74% năm 2019, giảm 5,29% so với năm 2018. Sự giảm xuống của chỉ số này chứng tỏ số lượng đi vay của Công ty ít hơn số vốn hiện có, thể hiện khả năng gặp rủi ro trong việc trả nợ của Công ty rất ít.

Hai hệ số thể hiện chỉ tiêu về năng lực hoạt động của Công ty đều có sự giảm sút. Vòng quay hàng tồn kho năm nay đạt 3,1403 vòng,

giảm 0,1888 vòng so với năm ngoái. Điều này chứng tỏ hàng tồn kho của Công ty bị ứ đọng nhiều, làm tăng chi phí bảo quản hàng tồn kho của Công ty. Hiệu quả sử dụng tài sản năm nay của Công ty chưa tốt, thể hiện qua sự giảm sút về chỉ số doanh thu thuần/Tổng tài sản đạt 0,8591 vòng, giảm 0,0322 vòng so với năm ngoái.

Chỉ số ROS của Công ty tăng 0,26% so với năm ngoái, đạt 13,51% năm 2019 chứng tỏ vị thế và vai trò của doanh nghiệp trên thị trường. Tuy nhiên, chỉ số ROE của Công ty giảm 0,73% so với năm ngoái, đạt 16,149% năm 2019 có thể gây bất lợi trong việc huy động vốn trên thị trường tài chính để hỗ trợ đầu tư vào các kế hoạch sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Chỉ số ROA trong năm nay cũng giảm 0,494% so với năm ngoái, đạt 11,849% thể hiện sự sắp xếp, phân bổ và quản lý tài sản của doanh nghiệp chưa tốt.



Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019	Chênh lệch (2019-2018)
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	2,6029	2,6488	0,0459
Hệ số thanh toán nhanh	lần	1,8081	1,8432	0,0351
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
Hệ số nợ/tổng tài sản	%	28,08%	25,23%	-2,85%
Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	%	39,04%	33,74%	-5,29%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
Vòng quay hàng tồn kho	vòng	3,3291	3,1403	-0,1888
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	vòng	0,8913	0,8591	-0,0322
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần (ROS)	%	13,25%	13,51%	0,26%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH (ROE)	%	16,878%	16,149%	-0,730%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng TS (ROA)	%	12,344%	11,849%	-0,494%
Hệ số lợi nhuận từ hoạt động KD/ Doanh thu thuần	%	14,034%	15,479%	1,444%



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU

Cơ cấu cổ đông

Cổ đông là tổ chức: 03 cổ đông, sở hữu 565.700 cổ phần, chiếm 18,8%

Cổ đông là cá nhân: 168 cổ đông, sở hữu 2.521.399 cổ phần, chiếm 81,2%

Cổ phần

Vốn điều lệ: 30.123.740.000 đồng

Số cổ phiếu đang lưu hành: 3.012.374 cổ phiếu

Loại cổ phần: Tự do chuyển nhượng



Giao dịch cổ phiếu quỹ

Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại: 0 cổ phiếu

Các giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm: không có

Số lượng cổ phiếu quỹ bán ra: 0 cổ phiếu

Tình hình thay đổi vốn đầu tư củ chủ sở hữu

Không thay đổi

Danh sách cổ đông lớn

America LLC

Số lượng cổ phần: 152.200
Tỷ lệ/vốn điều lệ: 5,05%

Ông Hòa Quang Thiệp

Số lượng cổ phần: 475,312
Tỷ lệ/vốn điều lệ: 15,78%



**BÁO CÁO
CỦA
BAN GIÁM ĐỐC**





ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH

Chỉ tiêu	Thực hiện (triệu đồng)		ZKH 2019 (triệu đồng)	Tăng trưởng	
	Năm 2018	Năm 2019		So với KH năm 2019	So với 2018
Doanh thu	194.772	196.281	230.000	85,20%	100,61%
Lợi nhuận trước thuế	27.322	30.250	30.000	100,88%	110,76%
Cổ tức	30%	30%	30%	100%	100%



Năm 2019 là một năm thuận lợi đối với ngành sản xuất hóa chất. Tuy về doanh thu, Công ty chỉ đạt 85,20% so với kế hoạch, đạt 195.956 triệu nhưng so với năm 2018, con số này đã tăng 100,61%. Sở dĩ có sự tăng lên về doanh thu do nhu cầu của thị trường về sơn và bao bì ngày một tăng. Hơn thế nữa, Công ty cũng tập trung mở rộng thị trường xuất khẩu. Bên cạnh đó, lợi nhuận trước thuế của Công ty cũng vượt mức kế hoạch đặt ra là 100,88%, so với năm 2018 là 110,76%.





TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Tổng tài sản của Công ty năm 2019 đạt 227.599 triệu, tăng 7,8% so với năm ngoái. Trong đó, tài sản ngắn hạn giảm 4%, đạt 152.097 triệu năm 2019. Tiền và các khoản tương đương tiền tăng 289% so với năm 2018, đạt 26.638 triệu năm 2019 do tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn của Công ty đều tăng. Các khoản phải thu ngắn hạn giảm 24% so với năm 2018, đạt 79.201 triệu năm 2019. Các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng giảm 12% so với năm ngoái chứng tỏ Công ty không bị chiếm dụng vốn. Khoản phải thu ngắn hạn khác của Công ty tăng 163% so với năm ngoái, đạt 1.281 triệu năm 2019 do các khoản phải thu bảo hiểm xã hội, các khoản phải thu về cổ tức, lợi nhuận được chia đều tăng. Hàng tồn kho của Công ty giảm 5% so với năm 2018, đạt 46.257 triệu năm 2019 chứng tỏ hàng hóa Công ty bán ra được nhiều, không bị ứ đọng. Ngoài ra, năm nay Công ty còn phát sinh thêm chi phí xây dựng cơ bản dở dang so dự án Nam Đình Vũ đã bắt đầu được triển khai. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn góp vốn vào đơn vị khác không thay đổi so với năm 2018, đạt 7.936 triệu năm 2019. Công ty vẫn tiếp tục đầu tư vào các Công ty thông qua Công ty Cổ phần Tập đoàn VLC để đầu tư gián tiếp vào Công ty Cổ phần Bao bì VLC và Công ty Cổ phần Bất động sản Sơn và Hóa chất Á Châu. Chi phí trả trước dài hạn của Công ty tăng 12% so với năm 2018, đạt 9.588 triệu năm 2019 do chi phí trực in xuất dung, tiền thuê đất tại khu công nghiệp Trảng Duệ tăng.



TÀI SẢN	Năm 2018	Năm 2019	Tăng trưởng
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	159.165.772.351	152.097.288.594	-4%
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	6.852.697.255	26.638.659.042	289%
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	103.709.101.378	79.201.023.955	-24%
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	94.283.613.817	82.764.979.029	-12%
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	4.540.292.929	1.155.908.845	-75%
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6.300.000.000	-	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	486.832.905	1.281.403.078	163%
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	(1.901.638.273)	(6.001.266.997)	216%
IV. Hàng tồn kho	48.603.973.718	46.257.605.597	-5%
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	58.973.985.322	75.501.836.089	28%
I. Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-
II. Tài sản cố định	42.451.936.220	37.036.228.243	-13%
1. Tài sản cố định hữu hình	39.356.203.190	34.075.322.580	-13%
Nguyên giá	72.901.367.574	73.101.711.660	0%
Giá trị hao mòn lũy kế (*)	(33.545.164.384)	(39.026.389.080)	16%
2. Tài sản cố định vô hình	3.095.733.030	2.963.461.446	-4%
Nguyên giá	4.433.216.893	4.433.216.893	0%
Giá trị hao mòn lũy kế (*)	(1.337.483.863)	(1.469.755.447)	10%
IV. Tài sản dở dang dài hạn	-	20.938.500.000	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	20.938.500.000	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	7.936.000.000	7.936.000.000	0%
1. Đầu tư vào công ty con	-	-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	-	-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	7.936.000.000	7.936.000.000	0%
VI. Tài sản dài hạn khác	8.586.049.102	9.588.552.063	12%
Chi phí trả trước dài hạn	8.586.049.102	9.588.552.063	12%
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	218.139.757.673	227.599.124.683	7,8%



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Tăng trưởng (%)
A. Nợ phải trả	61.245.539.805	57.422.014.392	-6,24%
1. Nợ ngắn hạn	61.149.539.805	57.422.014.392	-6,25%
2. Nợ dài hạn	96.000.000	0	-100,00%
B. Vốn chủ sở hữu	156.894.217.868	170.177.110.291	8,47%
Tổng nguồn vốn	218.139.757.673	227.599.124.683	4,34%

Tổng nguồn vốn của Công ty đạt 227.599 triệu năm 2019, tăng 4,34% so với năm ngoái chủ yếu do Công ty tăng vốn chủ sở hữu lên 8,47%, đạt 170.177 triệu năm nay. Tuy nhiên, khoản vay dài hạn của Công ty với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương đã được thanh toán toàn bộ. Nợ ngắn hạn của Công ty giảm 6,25% so với năm ngoái, đạt 57.422 triệu. Trong đó, phải trả người bán ngắn hạn cho các nhà cung cấp như: Công ty Cổ phần Bao bì VLC, Công ty TNHH Nhựa Phoenix, Công ty Cổ phần Mực in Á Châu và các nhà cung cấp khác tăng 21,80% so với năm ngoái. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn tăng 2,67% do doanh thu nhận trước về cho thuê văn phòng tăng lên, chứng tỏ Công ty có các biện pháp hiệu quả để không bị chiếm dụng vốn. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn giảm 24,09% do Công ty giảm khoản vay trung và dài hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam phục vụ việc thanh toán tiền mua ô tô Lexus ES 350.



NHỮNG CẢI TIẾN TRONG CƠ CẤU LAO ĐỘNG, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ



Về nhân sự

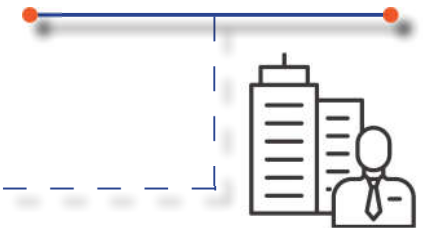
Tuyển dụng bổ sung nhân sự: 02 nhân viên kỹ thuật (kỹ sư hóa tốt nghiệp đại học hệ chính quy); 03 nhân viên kinh doanh (cử nhân kinh tế); 10 công nhân.

Đào tạo nâng cao nghiệp vụ đội ngũ quản lý. Đào tạo nâng cao tay nghề và đào tạo định kỳ về an toàn lao động, phòng chống cháy nổ...



Đầu tư trong năm 2019 và các năm tiếp theo trong nhiệm kỳ 5 năm 2018-2023

Phê duyệt thiết kế quy hoạch tổng thể mặt bằng, thiết kế kiến trúc, thiết kế chi tiết khu văn phòng, nhà xưởng và các công trình phụ trợ. Hoàn tất thủ tục: ĐTM, Thẩm duyệt phương án PCCC, xin giấy phép xây dựng nhà máy tại khu công nghiệp Nam Đình Vũ. Triển khai xây dựng sau khi các thủ tục hoàn tất.



PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN



Tăng cường công tác Marketing, dịch vụ kỹ thuật, phát triển thị trường xuất khẩu.

Mở rộng thị trường bao bì màng mỏng. Ưu tiên phát triển sản phẩm yêu cầu chất lượng cao.

Đào tạo nâng cao nghiệp vụ quản lý, điều hành cũng như kỹ năng lao động, tinh thần trách nhiệm cao đối với mỗi thành viên Công ty

Nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho CBCNV.





BÁO CÁO CỦA HĐQT



ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ MỌI MẶT CỦA CÔNG TY

Đánh giá về tình hình kinh tế vĩ mô, ngành

Nền kinh tế Việt Nam năm 2019 tiếp tục chuyển biến tích cực, kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát ở mức thấp. Năm 2019 là năm thứ hai liên tiếp Việt Nam đạt và vượt toàn bộ các chỉ tiêu chủ yếu Quốc hội giao, tạo cơ sở vững chắc, tạo đà và động lực mới, khí thế mới cho việc hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra cho năm 2020 và giai đoạn 5 năm 2016 - 2020. Tốc độ tăng trưởng GDP 7.02% đã vượt mục tiêu tăng trưởng

Trong những năm gần đây hệ thống giao thông của Việt Nam ngày càng phát triển, các dự án xây dựng cầu đường, những con đường chất lượng tốt và các xa lộ xuyên quốc gia đang được xây dựng mở rộng với sự trợ giúp của công nghệ mới. Chính vì vậy, sơn vạch kẻ đường đang nhận được sự quan tâm của nhiều doanh nghiệp sản xuất. Bên cạnh đó, thị trường Sơn giao thông tăng nhẹ so với năm 2018 do mảng duy tu tăng trưởng khá vì Quy chuẩn mới (2019) về An toàn giao thông sẽ quy định khi nào phải sơn duy tu và trách nhiệm rõ ràng hơn của đơn vị quản lý đường so với Quy chuẩn năm 2015.

Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh

Về doanh thu, tuy Công ty chỉ đạt được 85,20% kế hoạch đặt ra nhưng so với năm 2018, chỉ tiêu này đã tăng 100,61%, đạt 195.956 triệu năm 2019. Lợi nhuận trước thuế của Công ty cũng tăng 100,88% đạt 30.263 triệu năm 2019. Để đạt được kết quả khả quan như vậy là do Công ty đang triển khai có hiệu quả những giải pháp đã đề ra về thị trường, về quản lý, về tài chính, khẳng định sự cố gắng, đồng lòng và quyết tâm cao của tập thể lãnh đạo và người lao động của Công ty.



Chỉ tiêu	Thực hiện (triệu đồng)		KH năm 2019 (triệu đồng)	Tăng trưởng	
	Năm 2018	Năm 2019		So với KH	So với 2018
Doanh thu	194.772	196.281	195.956	85,20%	100,61%
Lợi nhuận trước thuế	27.322	30.250	30.263	100,88%	110,76%
Cổ tức	30%	30%	30%	100%	100%

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC



Trong năm vừa qua, Công ty vẫn giữ vững và phát huy những kết quả đã đạt được trong nhiệm kỳ vừa qua, tiếp tục đầu tư mạnh mẽ về sản xuất, giữ vững ổn định về kinh doanh, mở rộng quy mô phát triển, tập trung toàn bộ năng lực có thể cả về sức lực và trí tuệ, tiền vốn để xây dựng và phát triển sản xuất kinh doanh.

Giữ vững ổn định và phát triển thị trường.

Nâng cao chất lượng sản phẩm, coi chất lượng sản phẩm là trách nhiệm đối với xã hội, mang tính quyết định cho sự tồn tại và phát triển Công ty.

Đầu tư thích đáng vào sự phát triển nguồn nhân lực, yếu tố con người là quan trọng nhất, quyết định sự thành bại của Công ty

Tập trung đào tạo đội ngũ đồng đảo công nhân lành nghề, vận hành tốt máy móc thiết bị.

Tổ chức đội ngũ cán bộ công nhân viên-người lao động đồng đảo, đoàn kết, dồi dào về kiến thức kỹ thuật, đoàn kết tâm huyết gắn bó với Công ty, lấy đó là động lực chủ yếu thúc đẩy Công ty phát triển.

Tạo dựng một môi trường hoạt động công bằng bình đẳng, khách quan, minh bạch trên tinh thần dân chủ, phát huy tốt quyền làm chủ tập thể của CBCNV - người lao động; thiết lập kỷ cương trong công tác điều hành, thực hiện tốt các quy chế quản lý của Công ty, để hàng năm đạt năng suất lao động cao, hiệu quả kinh tế tốt và lợi nhuận tăng từ 20 - 30%, năm sau cao hơn năm trước; đưa Công ty thành doanh nghiệp có thương hiệu và văn hóa tiên tiến.

Tiếp tục kiểm tra rà soát, hoàn thiện và phát triển danh mục sản phẩm của Công ty theo định hướng tạo ra các dòng sản phẩm có hiệu quả, nâng cao giá trị sản phẩm để hệ thống bán hàng có điều kiện phát triển doanh số trên thị trường bán hàng và đem lại động lực cho nhân sự bán hàng trong hệ thống.





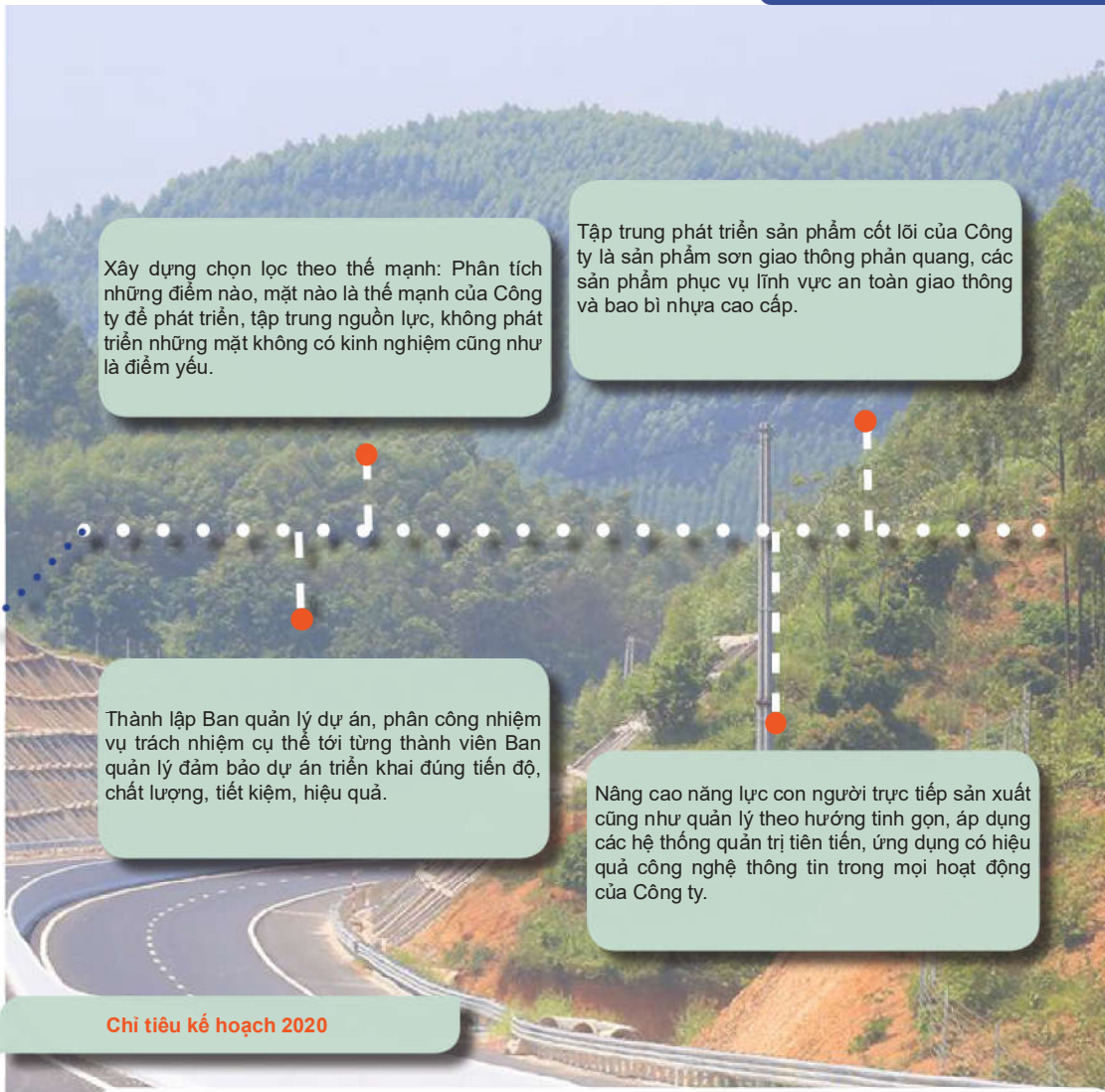
KẾ HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT

Thách thức vị trí dẫn đầu: Lấy các mô hình của các công ty dẫn đầu trong ngành sơn tại Việt Nam, học tập họ những điểm mạnh, đặt ra mục tiêu và con đường để dần dần vươn lên bằng và vượt họ. Điều này liên quan đến mọi thứ (mô hình sản xuất, mô hình kinh doanh, sản phẩm, tài chính...)

Tập trung đầu tư vào những phân khúc thị trường và sản phẩm có khả năng sinh lời lớn, rủi ro tương đối thấp, chọn những sản phẩm dễ sản xuất, phổ thông, giá vừa phải, dễ sử dụng, vòng quay sản phẩm nhanh, chủ yếu bán kênh thương mại... Kèm theo việc phát triển, đầu tư vào hệ thống bán hàng, marketing.

Đầu tư nhà máy mới tại khu công nghiệp Nam Đình Vũ với diện tích mặt bằng 21.000m² theo hướng tự động hóa, đồng bộ, hiện đại đáp ứng tiêu chuẩn cao về bao bì thực phẩm.

Củng cố những chỗ xung yếu: Phát hiện những điểm yếu của doanh nghiệp, lên kế hoạch, tiến hành nâng dần để những điểm yếu trở thành trung bình hoặc mạnh.



Xây dựng chọn lọc theo thể mạnh: Phân tích những điểm nào, mặt nào là thể mạnh của Công ty để phát triển, tập trung nguồn lực, không phát triển những mặt không có kinh nghiệm cũng như là điểm yếu.

Tập trung phát triển sản phẩm cốt lõi của Công ty là sản phẩm sơn giao thông phản quang, các sản phẩm phục vụ lĩnh vực an toàn giao thông và bao bì nhựa cao cấp.

Thành lập Ban quản lý dự án, phân công nhiệm vụ trách nhiệm cụ thể tới từng thành viên Ban quản lý đảm bảo dự án triển khai đúng tiến độ, chất lượng, tiết kiệm, hiệu quả.

Nâng cao năng lực con người trực tiếp sản xuất cũng như quản lý theo hướng tinh gọn, áp dụng các hệ thống quản trị tiên tiến, ứng dụng có hiệu quả công nghệ thông tin trong mọi hoạt động của Công ty.

Chi tiêu kế hoạch 2020

Chỉ tiêu	Đơn vị	TH năm 2019	KH năm 2020
Doanh thu thuần	Triệu đồng	195.523	230.000
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	26.396	30.000
Cổ tức	%	30%	30%



**QUẢN TRỊ
CÔNG TY**


HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Thành viên hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức danh	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Nguyễn Văn Viện	Chủ tịch HĐQT	201.562	6,69%
2	Ông Nguyễn Mộng Lân	Phó chủ tịch HĐQT	150.000	4,98%
3	Ông Hòa Quang Thiệp	Thành viên HĐQT	475.312	15,78%
4	Ông Nguyễn Thủy Nguyên	Thành viên HĐQT	198.750	6,60%
5	Ông Trần Bình Ân	Thành viên HĐQT	0	0%
6	Bà Phạm Thị Hương Lan	Thành viên HĐQT	79.875	2,65%
7	Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên HĐQT	93.750	3,11%

Hoạt động của HĐQT trong năm 2019

STT	Họ và tên	Chức danh	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Ông Nguyễn Văn Viện	Chủ tịch HĐQT	4	100%
2	Ông Nguyễn Mộng Lân	Phó Chủ tịch HĐQT	4	100%
3	Ông Hòa Quang Thiệp	Thành viên HĐQT	4	100%
4	Ông Nguyễn Thủy Nguyên	Thành viên HĐQT	0	0%
5	Ông Trần Bình Ân	Thành viên HĐQT	1	25%
6	Bà Phạm Thị Hương Lan	Thành viên HĐQT	4	100%
7	Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên HĐQT	4	100%

Các nghị quyết HĐQT ban hành trong năm 2019

STT	Số quyết định	Ngày	Nội dung
1	01-2019/HĐQT-SIV	19/04/2019	Nghị quyết họp Hội đồng quản trị Q1.2019
2	02-2019/HĐQT-SIV	24/07/2019	Nghị quyết họp Hội đồng quản trị Q2.2019
3	03-2019/HĐQT-SIV	24/10/2019	Nghị quyết họp Hội đồng quản trị Q3.2019
4	04-2019/HĐQT-SIV	20/01/2020	Nghị quyết họp Hội đồng quản trị Q4.2019

Trong năm 2019, Hội đồng quản trị Hội đồng quản trị đã tổ chức 04 cuộc họp liên quan đến tình hình quản trị của Công ty.

Hội đồng quản trị tổ chức họp thường xuyên, định kỳ hàng quý do Chủ tịch HĐQT chủ trì, các cuộc họp đều có Ban kiểm soát tham dự. Thảo luận và quyết nghị những vấn đề chính yếu của Công ty trên nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai, minh bạch, đề xuất giải quyết và tháo gỡ kịp thời những vướng mắc trong SXKD, giải quyết kịp thời quyền lợi của cổ đông, chế độ đối với người lao động. Các nghị quyết của HĐQT phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

HĐQT luôn giám sát hoạt động của Ban điều hành và phát huy mục tiêu SXKD của Công ty mà Nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2019 đã thông qua

HĐQT họp thường kỳ 1 lần/quý, luôn đưa ra các giải pháp phù hợp với tình hình thực tế của Công ty như:

Định hướng đầu tư, phát triển sản phẩm trung và dài hạn của Công ty

Đầu tư chiều sâu: Chỉ đạo hướng nghiên cứu sản phẩm mới, nghiên cứu nguyên liệu thay thế...

Xây dựng và quyết định bổ sung, đào tạo nguồn nhân lực cho phù hợp với tình hình phát triển SX- KD của Công ty.

Mở rộng thị trường trong cả nước: Bắc, Trung, Nam và đẩy mạnh xuất khẩu

Luôn đôn đốc Ban Kiểm soát hoạt động thường xuyên. Duy trì kiểm tra quyết toán hàng quý của Công ty.

Luôn luôn đảm bảo mục tiêu chung: Xây dựng công ty phát triển nhanh và bền vững




BAN KIỂM SOÁT
Thành viên ban kiểm soát

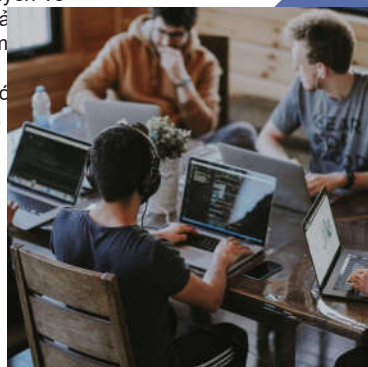
STT	Họ và tên	Chức danh	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu
1	Bà Bùi Kim Ngọc	Trưởng BKS	3.750	0,12%
2	Ông Đinh Văn Ước	Thành viên BKS	154.125	5%
3	Ông Hoàng Văn Hùng	Thành viên BKS	7.500	0,25%

Đánh giá hoạt động của ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức danh	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Bà Bùi Kim Ngọc	Trưởng BKS	4	100%
2	Ông Đinh Văn Ước	Thành viên BKS	4	100%
3	Ông Hoàng Văn Hùng	Thành viên BKS	4	100%

Trong năm qua các thành viên Ban Kiểm soát luôn có sự trao đổi ý kiến thường xuyên về các hoạt động của Công ty nhằm đảm bảo Kiểm soát hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình.

Trong năm 2019, Ban kiểm soát đã có những đánh giá với các quyết định của Hội đồng quản trị như sau: Ban kiểm soát đồng ý với chính sách tài chính, đầu tư phát triển, điều hành của Ban điều hành. Các vấn đề, quyết định quan trọng của Hội đồng Quản trị, Ban điều hành không gây thiệt hại cho các cổ đông


GAO DỊCH VÀ THÙ LAO

Thù lao của HĐQT

STT	Họ và tên	Chức danh	Cộng (VNĐ)
1	Ông Nguyễn Văn Viện	Chủ tịch HĐQT	6.000.000
2	Ông Nguyễn Mộng Lân	Phó Chủ tịch HĐQT	4.800.000
3	Ông Hòa Quang Thiệp	Thành viên HĐQT	4.200.000
4	Ông Nguyễn Thủy Nguyên	Thành viên HĐQT	4.200.000
5	Ông Trần Bình Ân	Thành viên HĐQT	4.200.000
6	Bà Phạm Thị Hương Lan	Thành viên HĐQT	4.200.000
7	Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên HĐQT	4.200.000
Tổng cộng			31.800.000

Thù lao của BKS

STT	Họ và tên	Chức danh	Cộng (VNĐ)
1	Bà Bùi Kim Ngọc	Trưởng BKS	4.200.000
2	Ông Đinh Văn Ước	Thành viên BKS	2.400.000
3	Ông Hoàng Văn Hùng	Thành viên BKS	2.400.000
Tổng Cộng			9.000.000

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ, cổ đông lớn và những người có liên quan

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Số lượng cổ phiếu trước khi giao dịch	Ngày giao dịch	Số lượng cổ phiếu mua/bán	Số lượng cổ phiếu sau khi giao dịch	Tỷ lệ
1	America LLC	147.300	27/02/2029	4.900	152.200	5,05%
2	Hòa Quang Thiệp	276.562	28/03/2019	198.750	475.312	15,78%
3	Trần Bình Ân	198.750	28/03/2019	198.750	0	0,00%

A close-up photograph of a hand holding a blue ballpoint pen, pointing at a financial report. The report features a bar chart with three bars in blue, red, and yellow, and a line graph with two lines in green and red. The text 'BÁO CÁO TÀI CHÍNH' is overlaid in large, bold, orange letters. A dashed blue line is positioned below the text.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH



CÔNG TY CỔ PHẦN SIVICO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN SIVICO
Lô 01 Khu Công Nghiệp Tráng Duyệt - Xã Hồng Phong
Huyện An Dương - Thành Phố Hải Phòng - Việt Nam
MST: 0200456505

Tháng 3 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN SIVICO

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 37

CÔNG TY CỔ PHẦN SIVICO

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sivico (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Văn Viên	Chủ tịch
Ông Nguyễn Mộng Lân	Phó Chủ tịch
Ông Hòa Quang Thiệp	Thành viên
Ông Nguyễn Thủy Nguyên	Thành viên
Bà Phạm Thị Hương Lan	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên
Ông Trần Bình Ân	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Hòa Quang Thiệp	Tổng Giám đốc
---------------------	---------------

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019, phản ánh một cách trung thực và hợp lý, tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế và thực hiện kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính được lập và trình bày tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIVICO

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Hòa Quang Thiệp

Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 09 tháng 3 năm 2020

**Công ty TNHH Kiểm toán An Việt**

Tầng 12, tòa nhà 167 Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
W www.anvietcpa.com T (84-24) 6278 2904
E anviet@anvietcpa.com F (84-24) 6278 2905

Số: 25/2020/KT-AV3-TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sivico**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sivico (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 09/3/2020, từ trang 06 đến trang 37, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sivico tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

4

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 27/3/2019.

**Vũ Hoài Nam****Phó Tổng Giám đốc**Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
1436-2018-055-1**Thay mặt và đại diện****CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT**

Hà Nội, ngày 09 tháng 3 năm 2020

Nguyễn Thu Hà**Kiểm toán viên**Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
2986-2019-055-1

5

CÔNG TY CỔ PHẦN SIVICO
BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2019
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

 Mẫu số B01 - DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Mẫu số B01 - DN	
			31/12/2019	01/01/2019
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		152.097.288.594	159.165.772.351
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		26.638.659.042	6.852.697.255
1. Tiền	111	5	26.638.659.042	6.852.697.255
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		79.201.023.955	103.709.101.378
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	82.764.979.029	94.283.613.817
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.155.908.845	4.540.292.929
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	6.300.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	1.281.403.078	486.832.905
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(6.001.266.997)	(1.901.638.273)
III. Hàng tồn kho	140		46.257.605.597	48.603.973.718
1. Hàng tồn kho	141	11	46.257.605.597	48.603.973.718
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		75.501.836.089	58.973.985.322
I. Tài sản cố định	220		37.038.784.026	42.451.936.220
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	34.075.322.580	39.356.203.190
- Nguyên giá	222		73.101.711.660	72.901.367.574
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(39.026.389.080)	(33.545.164.384)
2. Tài sản cố định vô hình	227	15	2.963.461.446	3.095.733.030
- Nguyên giá	228		4.433.216.893	4.433.216.893
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.469.755.447)	(1.337.483.863)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		20.938.500.000	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	20.938.500.000	-
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		7.936.000.000	7.936.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6	7.936.000.000	7.936.000.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		9.588.552.063	8.586.049.102
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	9.588.552.063	8.586.049.102
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		227.599.124.683	218.139.757.673

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 37 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

6

CÔNG TY CỔ PHẦN SIVICO
BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2019
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

 Mẫu số B01 - DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Mẫu số B01 - DN	
			31/12/2019	01/01/2019
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		57.422.014.392	61.245.539.805
I. Nợ ngắn hạn	310		57.422.014.392	61.149.539.805
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	10.188.351.810	8.364.911.532
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		596.543.000	942.528.210
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	2.044.196.918	1.346.753.422
4. Phải trả người lao động	314		2.217.452.482	1.963.176.072
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	1.404.440.014	2.629.531.666
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	319	19	155.290.000	151.254.000
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	424.854.009	411.078.049
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21.1	22.716.085.982	29.797.569.457
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		17.674.800.177	15.542.737.397
II. Nợ dài hạn	330		-	96.000.000
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	21.2	-	96.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		170.177.110.291	156.894.217.868
I. Vốn chủ sở hữu	410		170.177.110.291	156.894.217.868
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	22	30.123.740.000	30.123.740.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		30.123.740.000	30.123.740.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418	22	113.644.734.585	101.018.217.524
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	22a	26.408.635.706	25.752.260.344
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		26.408.635.706	25.752.260.344
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		227.599.124.683	218.139.757.673

Người lập biểu

Quyền Trưởng phòng Kế toán

Hải Phòng, ngày 09 tháng 3 năm 2020

Tổng Giám đốc

Hoàng Thị Thúy Dung

Dương Thị Thanh Thủy

Hòa Quang Thiệp

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 37 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

7

CÔNG TY CỔ PHẦN SIVICO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2019

 BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Năm 2019

 Mẫu số B02 - DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	195.956.061.943	194.771.916.300
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	433.061.948	351.021.131
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	24	195.522.999.995	194.420.895.169
4. Giá vốn hàng bán	11	25	143.197.417.187	149.616.882.518
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		52.325.582.808	44.804.012.651
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	681.720.155	371.542.926
7. Chi phí tài chính	22	27	2.876.877.534	1.908.587.108
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		2.610.880.645	1.789.073.023
8. Chi phí bán hàng	25	28.1	4.014.375.379	5.653.586.358
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28.2	15.851.789.812	10.328.007.060
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		30.264.260.238	27.285.375.051
11. Thu nhập khác	31	29	71.733	36.800.241
12. Chi phí khác	32	30	1.594.509	62.975
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(1.522.776)	36.737.266
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		30.262.737.462	27.322.112.317
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	3.854.101.756	1.569.851.973
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		26.408.635.706	25.752.260.344
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	8.767	7.192

Người lập biểu

Quyền Trưởng phòng Kế toán

 Hải Phòng, ngày 09 tháng 3 năm 2020
 Tổng Giám đốc

Hoàng Thị Thúy Dung

Dương Thị Thanh Thủy

Hòa Quang Thiệp

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 37 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

8

CÔNG TY CỔ PHẦN SIVICO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2019

 BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Năm 2019

 Mẫu số B03 - DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		30.262.737.462	27.322.112.317
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	14, 15	5.613.496.280	5.520.875.390
- Các khoản dự phòng	03	9	4.099.628.724	(50.000.000)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		514.533	(20.885.507)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	26	(487.620.958)	(61.284.060)
- Chi phí lãi vay	06	27	2.610.880.645	1.789.073.023
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		42.099.636.686	34.499.891.163
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		14.219.989.653	(8.269.969.334)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		2.346.368.121	(7.323.083.974)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		619.828.487	(3.762.244.841)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.002.502.961)	(1.125.127.240)
- Tiền lãi vay đã trả	14	27	(2.610.880.645)	(1.789.073.023)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	17	(3.735.339.797)	(1.477.158.168)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.473.253.667)	(540.180.883)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		50.463.845.877	10.213.053.700
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21		(21.238.844.086)	(2.365.600.117)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ	23		(31.000.000.000)	(9.900.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ	24		37.300.000.000	3.600.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		475.565.471	792.539.713
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(14.463.278.615)	(7.873.060.404)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		114.308.723.584	127.125.544.553
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(121.486.207.059)	(117.598.229.723)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	22a	(9.037.122.000)	(12.049.496.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(16.214.605.475)	(2.522.181.170)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		19.785.961.787	(182.187.874)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	6.852.697.255	7.006.358.266
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	28.526.863
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	5	26.638.659.042	6.852.697.255

Số thuyết minh được áp dụng cho cột số liệu năm 2019.

Người lập biểu

Quyền Trưởng phòng Kế toán

 Hải Phòng, ngày 09 tháng 3 năm 2020
 Tổng Giám đốc

Hoàng Thị Thúy Dung

Dương Thị Thanh Thủy

Hòa Quang Thiệp

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 37 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

9

CÔNG TY CỔ PHẦN SIVICO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 37 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Sivico, trụ sở đặt tại Lô D1 Khu công nghiệp Trảng Duệ, Hồng Phong, An Dương, Hải Phòng, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0203000161 ngày 28/3/2002 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ sáu ngày 01/8/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

Vốn điều lệ là 30.123.740.000 VND, mệnh giá cổ phần là 10.000 VND.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh: sản xuất công nghiệp.

1.3 Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít;
- Bán buôn sơn, vécni;
- Bán buôn sơn công nghiệp, sơn tàu biển; bán buôn hóa chất thông thường (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp); bán buôn bao bì các loại, mực in.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: không quá 12 tháng.

1.5 Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: không có yếu tố ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty.

1.6 Cấu trúc doanh nghiệp:

Đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Các đơn vị trực thuộc hạch toán báo số (hạch toán tập trung tại Công ty)		
Địa điểm kinh doanh số 1 Công ty Cổ phần Sivico	Cụm Công nghiệp Vĩnh Niệm, Phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, Hải Phòng	Kho chứa nguyên liệu thành phẩm sơn và bao bì

1.7 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính: các thông tin trên báo cáo tài chính có thể so sánh được.

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính, chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

10

CÔNG TY CỔ PHẦN SIVICO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 37 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

4.2 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại thời điểm báo cáo cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3 Chuyển đổi ngoại tệ

Trong năm, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được phân ảnh vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) và chi phí tài chính (nếu lỗ). Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại được phân ảnh vào chênh lệch tỷ giá hối đoái và số dư được kết chuyển sang chi phí tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Nguyên tắc xác định tỷ giá giao dịch thực tế:

- Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ:
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam tại ngày 31/12/2019 là 23.107 VND/USD, tại ngày 31/12/2018 là 23.140 VND/USD.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:

Là các khoản đầu tư vào công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản vốn góp cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, tư vấn, kiểm toán, lệ phí, thuế và phí ngân hàng...

Cổ tức của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận, riêng đối với cổ tức nhận được bằng cổ phiếu, Công ty chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm trên thuyết minh báo cáo tài chính, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

4.5 Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

11



CÔNG TY CỔ PHẦN SIVICO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 37 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: phải thu về bảo hiểm xã hội; ký cược, ký quỹ; phải thu về cổ tức được chia; phải thu về tiền thuê đất của Công ty CP Bao bì VLC; phải thu về tiền thuê đất và tiền phạt chậm nộp tiền thuê đất và các khoản phải thu khác.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Ban Giám đốc Công ty cho rằng việc trích lập dự phòng là cần thiết đối với một số khoản phải thu, phù hợp với tình hình thực tế của Công ty và tuân thủ chuẩn mực kế toán Việt Nam.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định theo giá gốc, trường hợp giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì hàng tồn kho được xác định theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (sản phẩm bao bì màng mỏng) của Công ty được đánh giá theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

Giá thành sản phẩm nhập kho được tính theo phương pháp giản đơn.

4.7 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, số khấu hao được tính bằng nguyên giá chia (:) cho thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với các quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian tính khấu hao có thể của các loại tài sản như sau:

Số năm

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30
Máy móc, thiết bị	02 - 12
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	05 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 07
Tài sản cố định hữu hình khác	05 - 10

12

CÔNG TY CỔ PHẦN SIVICO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 37 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

4.8 Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình được xác định theo giá gốc.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình hình thành từ mua sắm và đầu tư chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định vô hình bao gồm: quyền sử dụng đất, hệ thống phần mềm 3S ERP.IMFG, phí chuyển giao công nghệ DPI và hệ thống quản lý chất lượng ISO 900-2001.

Quyền sử dụng đất có diện tích 6.950,7m² tại Lô D1 KCN Trảng Duệ, Hồng Phong, An Dương, Hải Phòng, thời gian khấu hao từ tháng 4/2015 đến tháng 02/2057. Hệ thống phần mềm 3S ERP.IMFG có thời gian khấu hao là 05 năm. Các tài sản cố định vô hình khác đã khấu hao hết và còn sử dụng.

4.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc, phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất. Việc khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như đối với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được ghi nhận theo thực tế phát sinh bao gồm: chi phí trực in xuất dùng, tiền thuê đất tại KCN Trảng Duệ, chi phí xây dựng bể cứu hỏa và chi phí trả trước khác, cụ thể:

- Chi phí trực in phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh được xác định bằng giá trị trực in (:) tổng số cuộn bao bì sản xuất ước tính (x) số cuộn bao bì sản xuất trong năm.
- Tiền thuê đất trả một lần cho suốt thời gian thuê tại KCN Trảng Duệ có diện tích 6.950,7m², thời gian thuê từ ngày 18/3/2016 đến ngày 08/02/2057, được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.
- Chi phí xây dựng bể cứu hỏa được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 73 tháng kể từ khi phát sinh.
- Chi phí trả trước khác được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 60 tháng kể từ khi phát sinh.

Công ty căn cứ vào thời gian trả trước theo hợp đồng hoặc thời gian phân bổ của từng loại chi phí để phân loại chi phí trả trước ngắn hạn hoặc dài hạn và không thực hiện tái phân loại tại thời điểm báo cáo.

4.11 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tương phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán;

13

CÔNG TY CỔ PHẦN SIVICO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 37 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm: phải trả về các khoản kinh phí công đoàn, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và nhận ký quỹ, ký cược.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

4.12 Vay và nợ thuê tài chính

Vay và nợ thuê tài chính là các khoản đi vay, được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay và theo kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Tại 31/12/2019, Công ty chỉ có các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm báo cáo và được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

4.13 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay là lãi tiền vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

4.14 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, bao gồm: phí chuyển giao công nghệ DPI và thường vượt doanh số của các đại lý. Cụ thể:

- Phí chuyển giao công nghệ DPI được ước tính dựa trên doanh thu bán sơn DPI trừ (-) chi phí đóng gói, vận chuyển, nhân (x) tỷ lệ (%) phí phải trả (1,5%);
- Thường vượt doanh số của các đại lý được ước tính dựa trên doanh thu vượt mức quy định cho từng đại lý nhân (x) tỷ lệ (%) vượt định mức được hưởng.

4.15 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện được ghi nhận trên cơ sở số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được phân bổ vào doanh thu theo phương pháp đường thẳng dựa trên số tiền đã thu được và số kỳ thu tiền trước.

4.16 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm phản ánh vốn góp của cổ đông trong và ngoài doanh nghiệp, được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông góp cổ phần, tính theo mệnh giá cổ phiếu đã phát hành.

Các quỹ và lợi nhuận sau thuế được trích lập và phân phối theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 23/4/2019.

4.17 Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;

14

CÔNG TY CỔ PHẦN SIVICO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 37 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động:

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm: lãi tiền gửi, tiền cho vay; lãi chênh lệch tỷ giá và cổ tức được chia. Cụ thể như sau:

- Tiền lãi được xác định tương đối chắc chắn trên cơ sở số dư tiền gửi, cho vay và lãi suất thực tế từng kỳ;
- Cổ tức được chia được ghi nhận theo thông báo của bên chia cổ tức;
- Chênh lệch tỷ giá phản ánh các khoản lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái thực tế phát sinh trong kỳ của các nghiệp vụ phát sinh có gốc ngoại tệ.

Thu nhập khác phản ánh các khoản thu nhập phát sinh từ các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty, ngoài các khoản doanh thu nêu trên.

4.18 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là chiết khấu thương mại phản ánh khoản giảm giá niêm yết cho người mua với khối lượng lớn nhưng chưa được phản ánh trên hóa đơn khi bán sản phẩm, hàng hóa.

4.19 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là trị giá vốn của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ được ghi nhận theo thực tế phát sinh phù hợp với doanh thu

4.20 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm lãi tiền vay và lỗ chênh lệch tỷ giá, cụ thể như sau:

- Lãi tiền vay được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên cơ sở số dư tiền vay và lãi suất vay thực tế từng kỳ;

15

CÔNG TY CỔ PHẦN SIVICO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 37 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

- Chênh lệch tỷ giá phản ánh các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái thực tế phát sinh trong kỳ của các nghiệp vụ phát sinh có gốc ngoại tệ và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm báo cáo.

4.21 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán thành phẩm, hàng hóa của kỳ kế toán, bao gồm: chi phí hoa hồng, môi giới; chi phí đóng gói, vận chuyển; chi phí quà tặng...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty phát sinh trong kỳ kế toán, bao gồm: chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...); kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động; khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, lệ phí môn bài; dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác.

4.22 Thuế

Chi phí thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh trong năm.

Thu nhập tính thuế có thể khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014, Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính và Công văn số 1117/CT-TT&HT ngày 07/8/2015 của Cục Thuế Hải Phòng, Công ty được áp dụng thời gian miễn thuế, giảm thuế đối với phần thu nhập tăng thêm do đầu tư mở rộng mang lại (không được hưởng mức thuế suất ưu đãi) bằng với thời gian miễn thuế, giảm thuế áp dụng đối với dự án đầu tư mới trên cùng địa bàn, lĩnh vực ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp. Cụ thể, Công ty được miễn thuế bốn (04) năm (từ năm 2015 đến hết năm 2018), giảm 50% số thuế phải nộp trong chín (09) năm tiếp theo (từ năm 2019 đến hết năm 2027).

Việc xác định các loại thuế của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định nghĩa vụ về các loại thuế tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

4.23 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty xác định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, phải thu khách hàng và phải thu khác.

16

CÔNG TY CỔ PHẦN SIVICO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 37 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định phân loại các nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý. Trường hợp chưa có quy định về việc xác định lại giá trị hợp lý của các công cụ tài chính thì trình bày theo giá trị ghi sổ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán, nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

4.24 Bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là tổ chức hoặc cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Thông tin với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số 6, 7, 16, 22, 24, 37.

5. TIỀN

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Tiền mặt	370.480.560	224.937.530
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	26.268.178.482	6.627.759.725
Cộng	26.638.659.042	6.852.697.255

17

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN SIVICO

MẪU SỐ B09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 37 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Giá gốc	7.936.000.000	-
Dự phòng	-	-
Giá trị hợp lý	7.936.000.000	-

Đầu tư vào đơn vị khác

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Giá gốc	7.936.000.000	-
Dự phòng	-	-
Giá trị hợp lý	7.936.000.000	-

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư vào đơn vị khác tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

	31/12/2019		01/01/2019	
	Số lượng	Giá gốc Dự phòng	Số lượng	Giá gốc Dự phòng
Tổng giá trị cổ phiếu	832.290	7.936.000.000	793.600	7.936.000.000
Công ty Cổ phần Bất động sản Sơn và Hóa chất A Châu (*)	358.316	3.375.000.000	337.500	3.375.000.000
Đầu tư gián tiếp vào các công ty qua Công ty Cổ phần Tập đoàn VLC:	473.974	4.561.000.000	456.100	4.561.000.000
+ Đầu tư gián tiếp vào Công ty Cổ phần Bao bì VLC	115.000	1.150.000.000	115.000	1.150.000.000
+ Đầu tư gián tiếp vào Công ty Cổ phần Bất động sản Sơn và Hóa chất A Châu (*)	358.974	3.411.000.000	341.100	3.411.000.000

(*) Trong năm, Công ty được chia cổ phiếu từ đầu tư trực tiếp và gián tiếp vào Công ty Cổ phần Bất động sản Sơn và Hóa chất A Châu lần lượt là 20.816 và 17.874 cổ phiếu. Tại 31/12/2019, Công ty nắm giữ khoảng 2,7% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Bất động sản Sơn và Hóa chất A Châu.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIVICO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 37 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Ngắn hạn	82.764.979.029	94.283.613.817
Các khoản phải thu của khách hàng chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng	47.298.707.063	57.065.799.061
Công ty TNHH Thăng Long L.T	17.002.317.706	19.677.927.706
Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư phát triển Tân Thành An	14.109.816.365	14.955.384.760
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Ngọc Linh	7.603.431.574	14.054.901.677
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại và Dịch vụ Thuận Đức	8.583.141.418	8.377.584.918
Các khoản phải thu của khách hàng khác	35.466.271.966	37.217.814.756
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	6.762.579.262	9.917.525.654
Công ty TNHH Vico	1.863.121.830	5.446.255.483
Công ty Cổ phần Bao bì VLC	4.517.946.907	4.393.381.671
Công ty Cổ phần Vilaco	28.190.525	69.448.500
Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng số 2	-	8.440.000
Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng	353.320.000	-

8. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2019 VND		01/01/2019 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	1.281.403.078	-	486.832.905	-
Ký cược, ký quỹ	319.327.514	-	190.014.075	-
Phải thu bảo hiểm xã hội	36.711.752	-	38.108.305	-
Phải thu lại tiền thuê đất của Công ty CP Bao bì VLC	95.185.591	-	95.185.591	-
Phải thu về cổ tức được chia	115.000.000	-	115.000.000	-
Tiền thuê đất và tiền phạt chậm nộp tiền thuê đất (*)	703.122.734	-	-	-
Phải thu lãi tiền cho vay	12.055.487	-	-	-
Phải thu khác	-	-	48.524.934	-

(*) Theo Quyết định số 141/QĐ-CCT ngày 21/3/2018 của Chi cục Thuế quận Lê Chân, Công ty bị cưỡng chế tiền thuê đất và phạt chậm nộp tiền thuê đất tại Cụm Công nghiệp Vĩnh Niệm từ năm 2015 - 2017, số tiền 703.122.734 VND. Công ty đã nộp toàn bộ số tiền trên nhưng chưa ghi nhận vào chi phí. Lý do đây là số tiền phải nộp do Chi cục Thuế quận Lê Chân đã thay đổi đơn giá tiền thuê đất so với Hợp đồng thuê đất số 25/HĐTD ngày 12/4/2006 giữa Công ty với Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng. Công ty đang làm thủ tục khởi kiện Chi cục Thuế quận Lê Chân để đòi lại số tiền này.

9. DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Ngắn hạn		
Số dư đầu năm	(1.901.638.273)	(1.951.638.273)
Trích lập dự phòng	(4.099.628.724)	-
Hoàn nhập dự phòng	-	50.000.000
Số dư cuối năm	(6.001.266.997)	(1.901.638.273)
Trong đó:		
- Phải thu của khách hàng	(6.001.266.997)	(1.901.638.273)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2019

MẪU SỐ B09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 37 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

10. NỢ XẤU

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	16.664.417.899	10.663.150.902	2.659.188.031	757.549.758
- Công ty Cổ phần Thương mại và Tư vấn đầu tư xây dựng công trình số 9	657.763.750	197.329.125	657.763.750	197.329.125
Thời gian quá hạn: trên 03 năm	657.763.750	197.329.125	657.763.750	197.329.125
Giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn	263.775.273	-	303.775.273	-
- DNTN Phương Ngọc	263.775.273	-	303.775.273	-
Thời gian quá hạn: trên 03 năm	263.775.273	-	303.775.273	-
Giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn	195.050.360	-	195.050.360	-
- Xi nghiệp Xây lắp Trường Sơn	195.050.360	-	195.050.360	-
Thời gian quá hạn: trên 03 năm	195.050.360	-	195.050.360	-
Giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn	14.109.816.365	10.109.816.365	-	-
Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư phát triển Tân Thành An	14.109.816.365	10.109.816.365	-	-
Thời gian quá hạn: trên 03 năm	14.109.816.365	10.109.816.365	-	-
Giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn	1.438.012.151	356.005.412	1.502.598.648	560.220.633
- Các đối tượng khác	1.438.012.151	356.005.412	1.502.598.648	560.220.633

11. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	34.386.333.182	-	38.787.193.558	-
Công cụ, dụng cụ	3.287.408.110	-	2.735.859.910	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.064.342.757	-	-	-
Thành phẩm	7.463.581.548	-	7.025.920.250	-
Hàng hóa	55.940.000	-	55.000.000	-
Cộng	46.257.605.597	-	48.603.973.718	-

20

CÔNG TY CỔ PHẦN SIVICO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 37 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

MẪU SỐ B09 - DN

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Dài hạn	9.588.552.063	8.586.049.102
Trục in xuất dùng	6.816.236.856	4.858.033.997
Tiền thuê đất	2.433.351.726	2.498.970.196
Chi phí xây dựng bể cứu hỏa	204.120.742	256.236.682
Chi phí trả trước khác	134.842.739	972.808.227

13. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	Năm 2019		Năm 2018	
	VND	VND	VND	VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	-	-	-
Số đầu năm	-	-	-	-
Tăng trong năm	20.938.500.000	-	-	-
Xây dựng cơ bản	20.938.500.000	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số cuối năm (*)	20.938.500.000	-	-	-

(*) Theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 3218252126 cấp lần đầu ngày 15/11/2018 và sửa đổi lần thứ nhất ngày 03/10/2019 của Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng:

- Tên dự án: Đầu tư sản xuất sơn giao thông phản quang và in ấn, sản xuất bao bì nhựa Sivico.
- Quy mô: Sản xuất sơn giao thông: 30.000 tấn/năm và in ấn, sản xuất bao bì nhựa: 6.000 tấn/năm.
- Địa điểm thực hiện dự án: Lô CN2-03, Khu phi thuế quan và Khu công nghiệp Nam Đình Vũ (Khu 1), phường Đông Hải 2, thuộc Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.
- Diện tích đất dự kiến sử dụng: 21.000 m².
- Tổng vốn đầu tư: 198.000.000.000 đồng (một trăm chín mươi tám tỷ đồng).
- Thời hạn hoạt động của dự án: 41 năm kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đầu tư.
- Tiến độ: Quý IV/2019 đến Quý I/2021: xây dựng, lắp đặt thiết bị, chạy thử. Quý II/2021: hoạt động chính thức.

21

CÔNG TY CỔ PHẦN SIVICO
BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2019
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 37 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)
14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

NGUÊN GIÁ	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Đơn vị tính: VND	Cộng
16.966.647.716	43.073.511.160	43.073.511.160	10.470.637.011	1.296.691.687	1.093.880.000	72.901.367.574	72.901.367.574
-	-	200.344.086	-	-	-	200.344.086	200.344.086
-	-	200.344.086	-	-	-	200.344.086	200.344.086
16.966.647.716	43.273.855.246	43.273.855.246	10.470.637.011	1.296.691.687	1.093.880.000	73.101.711.660	73.101.711.660
5.695.588.466	21.736.514.085	21.736.514.085	5.545.010.423	376.622.403	191.429.007	33.545.164.384	33.545.164.384
570.342.590	3.564.565.931	3.564.565.931	1.033.639.975	203.288.196	109.388.004	5.481.224.696	5.481.224.696
570.342.590	3.564.565.931	3.564.565.931	1.033.639.975	203.288.196	109.388.004	5.481.224.696	5.481.224.696
6.265.931.056	25.301.080.016	25.301.080.016	6.578.650.398	579.910.599	300.817.011	39.026.389.080	39.026.389.080
11.271.059.250	21.336.997.075	21.336.997.075	4.925.626.588	920.069.284	902.450.993	39.356.203.190	39.356.203.190
10.700.716.660	17.972.775.230	17.972.775.230	3.891.986.613	716.781.088	793.062.989	34.075.322.580	34.075.322.580

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết còn sử dụng tại ngày 31/12/2019 là 17.018.510.491 VND (tại ngày 31/12/2018 là 16.976.692.309 VND).

Công ty đã thế chấp các tài sản cố định với giá trị còn lại tại ngày 31/12/2019 là 2.741.179.164 để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

22

CÔNG TY CỔ PHẦN SIVICO
BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2019
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 37 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)
15. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

NGUÊN GIÁ	Quyền sử dụng đất	Phí chuyển giao công nghệ DPI	Phần mềm máy vi tính	Hệ thống ISO 9000-2001	Đơn vị tính: VND	Cộng
3.317.339.603	3.317.339.603	761.100.000	299.765.000	55.012.290	4.433.216.893	4.433.216.893
-	-	761.100.000	299.765.000	55.012.290	55.012.290	55.012.290
296.623.323	761.100.000	761.100.000	224.748.250	55.012.290	1.337.483.863	1.337.483.863
79.318.584	79.318.584	-	52.953.000	-	132.271.584	132.271.584
79.318.584	79.318.584	-	52.953.000	-	132.271.584	132.271.584
375.941.907	761.100.000	761.100.000	277.701.250	55.012.290	1.469.755.447	1.469.755.447
3.020.716.280	-	-	75.016.750	-	3.095.733.030	3.095.733.030
2.941.397.696	-	-	22.063.750	-	2.963.461.446	2.963.461.446

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

Ngân hạn	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
10.188.351.810	10.188.351.810	8.364.911.532	8.364.911.532	8.364.911.532
2.689.248.320	2.689.248.320	455.553.230	455.553.230	455.553.230
1.453.745.700	1.453.745.700	441.479.060	441.479.060	441.479.060
1.235.502.620	1.235.502.620	14.074.170	14.074.170	14.074.170
7.499.103.490	7.499.103.490	7.909.358.302	7.909.358.302	7.909.358.302
637.830.459	637.830.459	1.056.348.700	1.056.348.700	1.056.348.700
637.830.459	637.830.459	1.056.348.700	1.056.348.700	1.056.348.700

Các khoản phải trả người bán chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải trả Công ty Cổ phần Mực in A Châu Công ty TNHH Thương mại - Tư vấn - Tiếp thị Đông Bắc Phải trả cho các đối tượng khác

Phải trả người bán là các bên liên quan Công ty TNHH Nhựa Phoenix

23

CÔNG TY CỔ PHẦN SIVICO
BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2019
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
MẪU SỐ B09 - DN
(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 37 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)
17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2019	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2019
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	880.308.168	9.755.056.080	9.496.620.357	1.138.743.891
Thuế xuất, nhập khẩu	-	341.978.302	341.978.302	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	434.895.629	4.176.845.320	3.735.339.797	876.401.152
Thuế thu nhập cá nhân	31.549.625	575.196.695	577.694.445	29.051.875
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	26.665.696	26.665.696	-
Các loại thuế khác	-	137.798.069	137.798.069	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	4.000.000	4.000.000	-
Cộng	1.346.753.422	15.017.540.162	14.320.096.666	2.044.196.918

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn	1.404.440.014	2.629.531.666
Phí chuyển giao công nghệ	1.244.520.230	2.040.493.743
Thưởng vượt doanh số của đại lý	159.919.784	589.037.923

19. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn	155.290.000	151.254.000
Doanh thu nhận trước về cho thuê nhà xưởng	155.290.000	151.254.000

20. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn	424.854.009	411.078.049
Kinh phí công đoàn	159.955.563	145.810.195
Bảo hiểm y tế	12.683.227	13.160.247
Bảo hiểm thất nghiệp	25.334.219	25.226.607
Nhận ký cược, ký quỹ	226.881.000	226.881.000

21. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
21.1 Ngắn hạn	22.716.085.982	29.797.569.457
Các khoản vay	22.716.085.982	29.797.569.457
21.2 Dài hạn	-	96.000.000
Các khoản vay	-	96.000.000

24

CÔNG TY CỔ PHẦN SIVICO
BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2019
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 37 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

Các khoản vay	01/01/2019		31/12/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Trong năm VND	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	29.797.569.457	29.797.569.457	121.486.207.059	22.716.085.982
- Vay ngắn hạn [1]				
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ngô Quyền	20.584.409.342	20.584.409.342	73.363.270.295	14.328.484.700
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương	5.153.404.135	5.153.404.135	44.063.180.784	8.291.601.282
- Vay dài hạn đến hạn trả				
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ngô Quyền	3.683.755.980	3.683.755.980	3.683.755.980	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương [2]	376.000.000	376.000.000	376.000.000	96.000.000
Vay dài hạn	96.000.000	96.000.000	96.000.000	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương [2]	96.000.000	96.000.000	96.000.000	-

[1] Các khoản vay ngắn hạn được rút bằng VND, chịu lãi suất căn cứ theo thỏa thuận giữa Công ty với các Ngân hàng tại từng thời điểm rút vốn. Lãi được trả hàng tháng theo thông báo lãi vay của các Ngân hàng. Mục đích vay để sử dụng cho việc mua nguyên vật liệu phục vụ sản xuất kinh doanh.

25

CÔNG TY CỔ PHẦN SIVICO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 37 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

[2] Hợp đồng tín dụng số 160011/NHNTHD ngày 19/02/2016:

Số tiền vay	: 1.986.000.000 VND
Mục đích vay	: Thanh toán tiền mua ô tô Lexus ES 350
Thời hạn vay	: 50 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên
Thời gian trả nợ gốc	: Thanh toán theo lịch trả nợ bên cho vay lập
Lãi suất	: 7%/năm cho 12 tháng đầu tiên. Sau 12 tháng, lãi suất cho vay bằng lãi tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau cộng 2,5%/năm
Tài sản bảo đảm	: Xe ô tô Lexus ES 350
Số dư vay tại 31/12/2019	: 96.000.000 VND.
Số phải trả trong năm 2020	: 96.000.000 VND.

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU
BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: VND

Diễn giải	Vốn góp của chủ sở hữu	Quý đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	30.123.740.000	81.945.139.468	36.189.039.600	148.257.919.068
Tăng trong năm trước	-	19.073.078.056	25.752.260.344	44.825.338.400
Lãi trong năm	-	-	25.752.260.344	25.752.260.344
Phân phối lợi nhuận	-	19.073.078.056	-	19.073.078.056
Giảm trong năm trước	-	-	36.189.039.600	36.189.039.600
Phân phối lợi nhuận	-	-	36.189.039.600	36.189.039.600
Số đầu năm nay	30.123.740.000	101.018.217.524	25.752.260.344	156.894.217.868
Tăng trong năm nay	-	12.626.517.061	26.408.635.706	39.035.152.767
Lãi trong năm	-	-	26.408.635.706	26.408.635.706
Phân phối lợi nhuận	-	12.626.517.061	-	12.626.517.061
Giảm trong năm nay	-	-	25.752.260.344	25.752.260.344
Phân phối lợi nhuận	-	-	25.268.955.508	25.268.955.508
Giảm khác (*)	-	-	483.304.836	483.304.836
Số cuối năm nay	30.123.740.000	113.644.734.585	26.408.635.706	170.177.110.291

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 23/4/2019, Công ty được sử dụng lợi nhuận năm trước để nộp phạt và truy thu thuế từ năm 2015 đến 2017 theo Quyết định số 2207/QĐ-CT ngày 20/5/2019 của Cục Thuế thành phố Hải Phòng, số tiền 483.304.836 VND.

CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: VND

	31/12/2019		01/01/2019	
	Tổng số	Vốn cổ phần thường	Tổng số	Vốn cổ phần thường
Ông Hòa Quang Thiệp	4.753.120.000	4.753.120.000	2.765.620.000	2.765.620.000
Công ty CP Sơn Hải Phòng	2.025.000.000	2.025.000.000	2.025.000.000	2.025.000.000
Ông Nguyễn Văn Viện	2.015.620.000	2.015.620.000	2.015.620.000	2.015.620.000
Ông Nguyễn Thủy Nguyên	1.987.500.000	1.987.500.000	1.987.500.000	1.987.500.000
Ông Trần Bình Ân	-	-	1.987.500.000	1.987.500.000
Công ty TNHH Vico	1.875.000.000	1.875.000.000	1.875.000.000	1.875.000.000
Bà Trần Thị Lưu Ly	1.875.000.000	1.875.000.000	1.875.000.000	1.875.000.000
Ông Đình Văn Ước	1.541.250.000	1.541.250.000	1.541.250.000	1.541.250.000
Các cổ đông khác	14.051.250.000	14.051.250.000	14.051.250.000	14.051.250.000
Cộng	30.123.740.000	30.123.740.000	30.123.740.000	30.123.740.000

26

CÔNG TY CỔ PHẦN SIVICO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 37 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

GIAO DỊCH VỀ VỐN VỐT CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ CHIA CỔ TỨC, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

a. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Số đầu năm	25.752.260.344	36.189.039.600
Tăng trong năm	26.408.635.706	25.752.260.344
Lãi trong năm	26.408.635.706	25.752.260.344
Giảm trong năm	25.752.260.344	36.189.039.600
Phân phối lợi nhuận năm trước	25.752.260.344	36.189.039.600
Chia cổ tức bằng tiền	9.037.122.000	12.049.496.000
Trích quỹ đầu tư phát triển	12.626.517.061	19.073.078.056
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.605.316.447	5.066.465.544
Tiền phạt và truy thu thuế	483.304.836	-
Số cuối năm	26.408.635.706	25.752.260.344

b. Cổ phiếu	31/12/2019 Cổ phiếu	01/01/2019 Cổ phiếu
-------------	------------------------	------------------------

Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.012.374	3.012.374
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.012.374	3.012.374
Cổ phiếu phổ thông	3.012.374	3.012.374
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.012.374	3.012.374
Cổ phiếu phổ thông	3.012.374	3.012.374

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000
--	--------	--------

23. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại	31/12/2019	01/01/2019
Đô la Mỹ (USD)	2.787,10	10.732,01

24. DOANH THU

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	195.956.061.943	194.771.916.300
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	194.332.533.702	193.654.964.088
Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động	972.489.434	977.850.029
Doanh thu khác	651.038.807	139.102.183

Các khoản giảm trừ doanh thu	433.061.948	351.021.131
Chiết khấu thương mại	433.061.948	351.021.131

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	195.522.999.995	194.420.895.169
--	------------------------	------------------------

Trong đó:		
Doanh thu đối với các bên liên quan	30.842.393.789	27.963.588.699
Công ty TNHH Vico	20.071.502.318	17.549.563.073
Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng	321.200.000	-
Công ty Cổ phần Bao bì VLC	9.246.013.628	9.286.446.153
Công ty Cổ phần Vilaco	1.174.728.593	1.112.197.655
Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng số 2	28.949.250	15.381.818

27

CÔNG TY CỔ PHẦN SIVICO
BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2019
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
MẪU SỐ B09 - DN
(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 37 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)
25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán	143.197.417.187	149.616.882.518
Cộng	143.197.417.187	149.616.882.518

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	372.620.958	61.284.060
Cổ tức được chia	115.000.000	115.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	194.099.197	195.258.866
Cộng	681.720.155	371.542.926

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi tiền vay	2.610.880.645	1.789.073.023
Lỗ chênh lệch tỷ giá	265.996.389	119.514.085
Chi phí tài chính khác	500	-
Cộng	2.876.877.534	1.908.587.108

28. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
28.1 Chi phí bán hàng	4.014.375.379	5.653.586.358
Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí bán hàng	3.187.752.427	2.990.999.731
<i>Chi phí vận chuyển</i>	<i>2.476.056.308</i>	<i>1.864.368.468</i>
<i>Chi phí hoa hồng, môi giới</i>	<i>302.847.491</i>	<i>884.631.855</i>
<i>Chi phí quà tặng cho khách hàng</i>	<i>408.848.628</i>	<i>241.999.408</i>
<i>Các khoản chi phí bán hàng khác</i>	<i>826.622.952</i>	<i>2.662.586.627</i>
28.2 Chi phí quản lý doanh nghiệp	15.851.789.812	10.328.007.060
Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí quản lý doanh nghiệp	11.861.183.994	6.328.383.188
<i>Chi phí nhân viên</i>	<i>7.761.555.270</i>	<i>6.328.383.188</i>
<i>Chi phí dự phòng</i>	<i>4.099.628.724</i>	-
<i>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác</i>	<i>3.990.605.818</i>	<i>3.999.623.872</i>

28

CÔNG TY CỔ PHẦN SIVICO
BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2019
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
MẪU SỐ B09 - DN
(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 37 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)
29. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Các khoản khác	71.733	36.800.241
Cộng	71.733	36.800.241

30. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Các khoản khác	1.594.509	62.975
Cộng	1.594.509	62.975

31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Tổng lợi nhuận kế toán (1)	30.262.737.462	27.322.112.317
Các khoản điều chỉnh tăng (2)	614.260.002	621.964.333
Thủ lao của Hội đồng quản trị không tham gia điều hành	478.800.000	478.800.000
Chi phí khấu hao tương ứng với phần nguyên giá vượt quá 1,6 tỷ đồng	135.460.002	135.460.002
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại các khoản phải thu	-	7.641.356
Các khoản khác	-	62.975
Các khoản điều chỉnh giảm (3)	122.641.356	115.000.000
Cổ tức được chia	115.000.000	115.000.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại năm trước	7.641.356	-
Tổng lợi nhuận tính thuế (4)=(1)+(2)-(3)	30.754.356.108	27.829.076.650
Lợi nhuận được miễn, giảm thuế (5)	22.967.694.661	19.979.816.783
Lợi nhuận không được miễn, giảm thuế (6)	7.786.661.447	7.849.259.867
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (7)	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập tính thuế năm hiện hành (8)=(4)*(7)	6.150.871.222	5.565.815.330
Thuế TNDN được miễn, giảm (9)	2.296.769.466	3.995.963.357
Chi phí thuế TNDN hiện hành (10)=(8)-(9)	3.854.101.756	1.569.851.973

(9): Năm 2019 Công ty được giảm 50% số thuế TNDN phải nộp, Năm 2018 Công ty được miễn thuế TNDN phải nộp.

(4): Tổng lợi nhuận tính thuế là 30.754.356.108 VND, trong đó: lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh chính là 29.828.174.884 VND, lợi nhuận từ hoạt động khác là 926.181.224 VND.

Xác định lợi nhuận được ưu đãi do đầu tư mở rộng theo tỷ lệ nguyên giá tài sản cố định tăng thêm của dự án so với tổng nguyên giá tài sản cố định của doanh nghiệp tại 31/12/2019 như sau:

29

CÔNG TY CỔ PHẦN SIVICO
BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2019
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
MẪU SỐ B09 - DN
(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 37 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình của dự án đầu tư mở rộng	[1]	56.017.573.364
Nguyên giá tài sản cố định vô hình của dự án đầu tư mở rộng	[2]	3.582.104.603
Tổng nguyên giá tài sản cố định tại 31/12/2019	[3]	77.534.928.553
Tỷ trọng	[4]=([1]+[2])/[3]	77%
Tổng lợi nhuận tính thuế	[5]	30.754.356.108
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh chính	[6]	29.828.174.884
Lợi nhuận do đầu tư mở rộng	[7]=[4]*[6]	22.967.694.661
Lợi nhuận không được ưu đãi thuế	[8]=[5]-[7]	7.786.661.447

32. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	129.559.813.645	138.658.395.787
Chi phí nhân công	11.292.206.525	10.249.509.554
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.613.496.280	5.467.922.390
Chi phí khác	15.738.073.342	13.761.888.401
Cộng	162.203.589.792	168.137.716.132

33. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (1)	26.408.635.706	25.752.260.344
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
Các khoản điều chỉnh tăng (2a)	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm (2b)	-	4.088.621.283
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (3=1+2a-2b)	26.408.635.706	21.663.639.061
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (4)	3.012.374	3.012.374
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (5=3/4)	8.767	7.192

Khoản điều chỉnh giảm (2b) tại cột số liệu so sánh năm 2018 là trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và nộp phạt, truy thu thuế từ năm 2015 đến 2017 từ lợi nhuận sau thuế năm 2018 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 23/4/2019.

Không có sự tác động của các công cụ trong tương lai có thể được chuyển đổi thành cổ phiếu và pha loãng giá trị cổ phiếu nên không có dấu hiệu cho thấy lãi suy giảm trên cổ phiếu sẽ nhỏ hơn lãi cơ bản trên cổ phiếu.

34. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Mã số 21 - Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác bao gồm khoản trả trước cho người bán để mua sắm, xây dựng TSCĐ năm 2020 là 100.000.000 VND.

Mã số 33 - Tiền thu từ đi vay và Mã số 34 - Tiền trả nợ gốc vay không bao gồm khoản phân loại vay và nợ dài hạn sang vay và nợ ngắn hạn, số tiền 96.000.000 VND.

30

CÔNG TY CỔ PHẦN SIVICO
BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2019
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
MẪU SỐ B09 - DN
(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 37 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)
35. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Ban Giám đốc khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính tại ngày 31/12/2019 làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH
Các loại công cụ tài chính

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn được trình bày tại thuyết minh số 4.23.

	Giá trị ghi số 31/12/2019 VND	Giá trị ghi số 01/01/2019 VND
Tài sản tài chính		
Tiền	26.638.659.042	6.852.697.255
Phải thu của khách hàng	76.763.712.032	92.381.975.544
Phải thu về cho vay	-	6.300.000.000
Phải thu khác	446.383.001	305.014.075
Cộng	103.848.754.075	105.839.686.874
Nợ tài chính		
Phải trả người bán	10.188.351.810	8.364.911.532
Chi phí phải trả	1.404.440.014	2.629.531.666
Phải trả khác	226.881.000	226.881.000
Vay và nợ thuê tài chính	22.716.085.982	29.893.569.457
Cộng	34.535.758.806	41.114.893.655

Công ty trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo quy định của Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn cụ thể cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính theo giá trị hợp lý. Công ty đã trình bày giá trị hợp lý của công cụ tài chính theo hướng dẫn về thuyết minh báo cáo tài chính của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính tại một số thuyết minh ở phần trên.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Các hoạt động của Công ty phải chịu rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tiền tệ và rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đặt mục tiêu và các nguyên tắc cơ bản về quản lý rủi ro tài chính cho Công ty. Ban Giám đốc lập các chính sách chi tiết như nhận diện và đo lường rủi ro, hạn mức rủi ro và các chiến lược phòng ngừa rủi ro. Việc quản lý rủi ro tài chính được nhân sự thuộc bộ phận tài chính thực hiện.

Các nhân sự thuộc bộ phận tài chính đo lường mức độ rủi ro thực tế so với hạn mức được đề ra và lập báo cáo thường xuyên để Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc xem xét. Thông tin trình bày sau đây là dựa trên thông tin mà Ban Giám đốc nhận được.

31

CÔNG TY CỔ PHẦN SIVICO
BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2019
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
MẪU SỐ B09 - DN
(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 37 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)
Rủi ro thị trường
Rủi ro tiền tệ

Việc kinh doanh của Công ty không chịu rủi ro tiền tệ vì phần lớn các giao dịch bằng VND.

Rủi ro lãi suất

Lãi suất của các khoản vay thay đổi theo biến động lãi suất của ngân hàng tại từng thời kỳ. Do vậy, Công ty phải chịu rủi ro lãi suất đối với các khoản vay này.

Rủi ro tín dụng

Chính sách của Công ty là chỉ giao dịch với các khách hàng có quá trình tín dụng tốt và thu được đủ tài sản đảm bảo phù hợp nhằm giảm rủi ro tín dụng. Đối với các tài sản tài chính khác, chính sách của Công ty là giao dịch với các tổ chức tài chính và các đối tác khác có xếp hạng tín nhiệm cao.

Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính bằng với giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó trên bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Công ty là tiền gửi ngân hàng và phải thu của khách hàng.

Các tài sản tài chính không quá hạn cũng không bị giảm giá

Tiền gửi ngân hàng không quá hạn cũng không bị giảm giá là các khoản tiền gửi chủ yếu tại các ngân hàng có xếp hạng tín nhiệm cao theo xác định của các cơ quan xếp hạng tín nhiệm quốc tế. Phải thu khách hàng không quá hạn cũng không bị giảm giá chủ yếu là từ các đối tượng có quá trình thanh toán tốt cho Công ty.

Tài sản tài chính quá hạn hoặc giảm giá

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tài sản tài chính quá hạn		
Quá hạn từ 03 năm trở lên	16.664.417.899	2.659.188.031
Cộng	<u>16.664.417.899</u>	<u>2.659.188.031</u>

Tài sản tài chính quá hạn (phải thu quá hạn) nêu trên đã được Công ty phòng ngừa rủi ro bằng cách trích lập dự phòng phù hợp với tình hình thực tế của Công ty và tuân thủ chuẩn mực kế toán Việt Nam. Ngoài các khoản nêu trên, Công ty không có các nhóm tài sản tài chính quá hạn hoặc giảm giá khác.

Rủi ro thanh khoản

Công ty không gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ tài chính được thanh toán bằng cách giao tiền mặt hoặc một tài sản tài chính khác.

Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi phải sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIVICO
BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2019
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
MẪU SỐ B09 - DN
(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 37 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

	Đến 01 năm	Trên 01 năm
	VND	VND
Tại 31/12/2019		
Phải trả người bán	10.188.351.810	-
Chi phí phải trả	1.404.440.014	-
Phải trả khác	226.881.000	-
Vay và nợ thuê tài chính	22.716.085.982	-
Cộng	<u>34.535.758.806</u>	<u>-</u>
Tại 01/01/2019		
Phải trả người bán	8.364.911.532	-
Chi phí phải trả	2.629.531.666	-
Phải trả khác	226.881.000	-
Vay và nợ thuê tài chính	29.797.569.457	96.000.000
Cộng	<u>41.018.893.655</u>	<u>96.000.000</u>

Đo lường theo giá trị hợp lý

Giá gốc trừ dự phòng (nếu có) đối với phải thu khách hàng, phải thu khác, phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

37. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan	Mối quan hệ	Năm 2019	Năm 2018
		VND	VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn VLC	Chung thành viên quản lý chủ chốt		
Kinh phí Tập đoàn		500.000.000	810.143.825
Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng	Chung thành viên quản lý chủ chốt		
Mua hàng (cả thuế GTGT đầu vào)		300.000	1.285.188.850
Trả tiền hàng		300.000	1.330.846.000
Bán hàng (cả thuế GTGT đầu ra)		353.320.000	-
Chia cổ tức		607.500.000	-
Trả cổ tức bằng tiền		607.500.000	-
Cho vay		6.000.000.000	-
Thu tiền cho vay		6.000.000.000	-
Lãi cho vay nhận được		105.625.000	-
Công ty TNHH Vico	Chung thành viên quản lý chủ chốt		
Bán hàng (cả thuế GTGT đầu ra)		22.078.652.587	19.304.519.380
Thu tiền hàng		25.655.631.050	16.432.681.894
Mua hàng (cả thuế GTGT đầu vào)		6.155.190	41.731.897
Trả tiền hàng		-	41.731.897
Bù trừ công nợ phải thu và phải trả		6.155.190	-
Chia cổ tức		562.500.000	-
Trả cổ tức bằng tiền		562.500.000	-
Cho vay		25.000.000.000	-
Thu tiền cho vay		31.000.000.000	-
Lãi cho vay nhận được		276.210.952	43.236.681
Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng số 2	Chung thành viên quản lý chủ chốt		
Bán hàng (cả thuế GTGT đầu ra)		31.844.175	37.323.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SIVICO
BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2019
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 37 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)
MẪU SỐ B09 - DN

Giao dịch với các bên liên quan	Mối quan hệ	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Thu tiền hàng		40.284.175	37.563.000
Mua hàng (cả thuế GTGT đầu vào)		65.917.500	16.920.000
Trả tiền hàng		65.917.500	62.350.000
Công ty Cổ phần Bao bì VLC	Chung thành viên quản lý chủ chốt		
Bán hàng (cả thuế GTGT đầu ra)		10.170.614.996	10.215.090.768
Thu tiền hàng		10.046.049.760	7.346.502.142
Mua hàng (cả thuế GTGT đầu vào)		332.248.286	2.346.164.734
Trả tiền hàng		332.248.286	2.346.164.734
Chia cổ tức		115.000.000	115.000.000
Trả cổ tức bằng tiền		115.000.000	115.000.000
Cho vay		-	300.000.000
Thu tiền cho vay		300.000.000	-
Lãi cho vay nhận được		3.343.333	43.236.681
Công ty Cổ phần Vilaco	Chung thành viên quản lý chủ chốt		
Bán hàng (cả thuế GTGT đầu ra)		1.292.201.453	1.223.417.421
Thu tiền hàng		1.333.459.428	1.223.417.421
Mua hàng (cả thuế GTGT đầu vào)		2.740.320	-
Công ty Cổ phần Bất động sản Sơn và Hóa chất Á Châu	Chung thành viên quản lý chủ chốt		
Mua hàng (cả thuế GTGT đầu vào)		37.502.850	-
Trả tiền hàng		37.502.850	-
Công ty TNHH Nhựa Phoenix	Chung thành viên quản lý chủ chốt		
Mua hàng (cả thuế GTGT đầu vào)		1.050.782.559	1.357.637.424
Trả tiền hàng		1.469.300.800	301.288.724
Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc		Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Hội đồng quản trị		571.200.000	571.200.000
Ban Giám đốc		603.105.000	606.060.000
Cộng		1.174.305.000	1.177.260.000

38. BÁO CÁO BỘ PHẬN
Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 04 bộ phận hoạt động: sơn, bao bì, cho thuê tài sản và bộ phận khác. Công ty lập báo cáo bộ phận theo 04 bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của 04 bộ phận kinh doanh trên như sau:

- Bộ phận sơn: sản xuất và phân phối sơn;
- Bộ phận bao bì: sản xuất và phân phối bao bì;
- Bộ phận cho thuê tài sản: cho thuê mặt bằng sân bãi, xưởng, văn phòng;
- Bộ phận khác: bán hàng hóa, sản phẩm nhựa cứng, dịch vụ và các loại khác không phải là các bộ phận nêu trên.

34

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2019
MẪU SỐ B09 - DN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 37 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

Bảng cân đối kế toán tại 31/12/2019

	Đơn vị tính: VND	
	Sơn	Cộng
Tài sản		
Tài sản bộ phận	17.314.601.018	69.065.115.673
Tài sản không phân bổ		158.534.009.010
Cộng		227.599.124.683
Nợ phải trả		
Nợ phải trả bộ phận	4.601.746.449	10.624.121.889
Nợ phải trả không phân bổ		46.797.892.503
Cộng		57.422.014.392
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019		
	Sơn	Khác
Doanh thu thuần	126.697.898.682	651.038.807
Giá vốn hàng bán		195.522.999.995
Chi phí không phân bổ		143.197.417.187
Doanh thu hoạt động tài chính		19.886.165.191
Chi phí tài chính		681.720.155
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh		2.876.877.534
Lãi (lỗ) khác		30.264.260.238
Lợi nhuận trước thuế		(1.522.776)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp		30.262.737.462
Lợi nhuận sau thuế		3.854.101.756
	Sơn	Khác
Cho thuê tài sản	972.489.434	651.038.807
Bao bì	67.201.573.072	
Cho thuê tài sản		
Cộng		26.408.635.706

Giá vốn, chi phí và lợi nhuận không tập hợp được tăng bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

35

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN SIVICO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 37 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

MẪU SỐ B09 - DN

Bảng cân đối kế toán tại 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

	Sơ	Bao bì	Cho thuê tài sản	Khác	Cộng
Tài sản					
Tài sản bộ phận	97.520.730.673	70.817.135.483	-	-	168.337.866.156
Tài sản không phân bổ					49.901.891.517
Cộng					218.139.757.673
Nợ phải trả					
Nợ phải trả bộ phận	413.642.817	528.885.393	-	-	942.528.210
Nợ phải trả không phân bổ					60.303.011.595
Cộng					61.245.539.805

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018

Đơn vị tính: VND

	Sơ	Bao bì	Cho thuê tài sản	Khác	Cộng
Doanh thu thuần	134.681.390.034	58.622.552.923	977.850.029	139.102.183	194.420.895.169
Giá vốn hàng bán					149.616.882.518
Chi phí không phân bổ					15.981.593.418
Doanh thu hoạt động tài chính					371.542.926
Chi phí tài chính					1.908.587.108
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					27.285.375.051
Lãi (lỗ) khác					36.737.266
Lợi nhuận trước thuế					27.322.112.317
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp					1.569.851.973
Lợi nhuận sau thuế					25.752.260.344

Giá vốn, chi phí và lợi nhuận không lập hợp được tính bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIVICO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 37 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

Bộ phận theo khu vực địa lý

Ban Giám đốc cho rằng Công ty chỉ có một bộ phận địa lý là Thành phố Hải Phòng, Việt Nam nên không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

39. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán VACO tại Hải Phòng và được trình bày lại cho phù hợp với số liệu của năm hiện hành.

Người lập biểu

[Signature]
Hoàng Thị Thúy Dung

Quyền Trưởng phòng Kế toán

[Signature]
Dương Thị Thanh Thủy

Hải Phòng, ngày 09 tháng 3 năm 2020
Tổng Giám đốc

[Signature]
Hòa Quang Thiệp

